*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

***Chương IV*: HÀM SỐ y = ax2 (a0)- PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MÔT ẨN**

**Tiết 49: HÀM SỐ y = ax2 (a0)**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Thấy được trong thực tế có những hàm số dạng y=ax2 (a0).

- Phát biểu được tính chất của hàm số y=ax2 (a0).

- Liên hệ được ví dụ và ứng dụng thực tế của hàm.

**2. Kĩ năng:**

- Biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

- Tính được giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Ví dụ mở đầu*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được ví dụ mở đầu trong sgk, chỉ ra được sự tương ứng 1-1 giữa t và s, qua đó phát biểu được khái niệm hàm số y = ax2 (a ≠ 0)  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Động não, hoàn tất một nhiệm vụ, đọc hợp tác. | | | | |
| Cho HS đọc ví dụ mở đầu SGK/28.  Tóm tắt ví dụ và giới thiệu công thức s =5t2 .  *? Theo công thức này , mỗi giá trị của t xác định được mấy giá trị tương ứng của s?*  Đưa bảng giá trị tương ứng của t và s lên bảng phụ.  Gv nhấn mạnh: Quy tắc đó cho chúng ta một hàm số và công thức này biểu thị hàm số có dạng y=ax2 (a0). | | HS đọc ví dụ SGK.  Hs: duy nhất 1 giá trị.  Quan sát.  Hs chú ý lắng nghe | | **1. Ví dụ mở đầu**  S = 5t2  t: thời gian tính bằng giây  S: tính bằng mét  Mỗi giá trị của t xác định được 1 giá trị tương ứng của S  ***Tổng quát***  Hàm số y = ax2 (a ≠ 0) |
| **Hoạt động 2: *Tính chất của hàm số y=ax2 (a0)*** (25 phút)  ***Mục tiêu:*** Cho HS hoạt động nhóm, chấm chéo bài làm nhằm phát hiện tính chất tăng, giảm của biến và hàm, qua đó nhận xét về tính đồng biến, nghịch biến của hàm sốy=ax2 (a0).  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Chia nhóm, các mảnh ghép, công đoạn. | | | | |
| Gv giới thiệu hàm số y=2x2, y=-2x2  Chia nhóm , phát phiếu học tập, yêu cầu các nhóm hoàn thành ?1,?2  (1/2 lớp câu a , 1/2 lớp câu b  4-6 HS / nhóm)  Gv cho các nhóm chấm chéo | | Hs thảo luận , hoàn thành phiếu học tâp  Các nhóm theo dõi và nhận xét chéo | | **2. Tính chất của hàm số y=ax2 (a0)** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | 3 | | y = 2x2 | 18 | 8 | 2 | 0 | 2 | 8 | 18 |   ***Phiếu 1:***  Nhờ bảng giá trị vừa tính được , hãy cho biết:  Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y tăng hay giảm?  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y tăng hay giảm?  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  ***Phiếu 2:***   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | 3 | | y = -2x2 | -18 | -8 | -2 | 0 | -2 | -8 | -18 |   Nhờ bảng giá trị vừa tính được , hãy cho biết:  Khi x tăng nhưng luôn luôn âm thì giá trị tương ứng của y tăng hay giảm?  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  Khi x tăng nhưng luôn luôn dương thì giá trị tương ứng của y tăng hay giảm?  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | | | | |
| *? Với a>0 , hãy nhận xét tính chất đồng biến , nghịch biến của hàm số y=ax2( a 0 )?*  *? Với a<0 , hãy nhận xét tính chất đồng biến , nghịch biến của hàm số y=ax2( a 0 )?*  *? Hãy phát biểu tính chất của hàm số y=ax2*  Gv đưa tính chất của hàm số y=ax2 lên bảng phụ và nhấn mạnh lại (Yêu cầu 2 hs nhắc lại)  Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời ?3  ? *Khi a>0 với mọi x0 thì giá trị của hàm số y ntn?*  ? *Khi a<0 với mọi x0 thì giá trị của hàm số y ntn?*  Gv chốt kiến thức thông qua nhận xét SGK tr30  Yêu cầu Hs củng cố thông qua ?4 | | Đại diện 2 HS trả lời.  Hs phát biểu  Hs quan sát và nhắc lại.  Hs làm theo yêu cầu  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài  Hs làm nhanh ?4 | | ***Tính chất :***  - *Nếu a>0 thì hàm số nghịch biến khi x<0 và đồng biến khi x>0.*  *- Nếu a<0 thì hàm số đồng biến khi x<0 và nghịch biến khi x>0.*  ***Nhận xét:***  *- Nếu a>0 thì y>0 với mọi x0 ; y=0 khi x=0.Giá trị nhỏ nhất của hàm số là y=0.*  *- Nếu a<0 thì y<0 với mọi x0 ; y=0 khi x=0.Giá trị lớn nhất của hàm số là y=0.* |
| **Hoạt động 3: *Củng cố*** (6 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được tính chất của hàm số y = ax2 ( a0 ), vận dụng kiến thức giải bài tập có liên quan.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hỏi và trả lời, hoàn tất một nhiệm vụ. | | | | |
| ? Nêu tính chất của hàm số y = ax2 ( a0 )  ? Làm BT trắc nghiệm (trên bảng phụ)  **Câu1.** Hàm số nào sau đây đồng biến khi x>0 ?  a) y=-4x2 b) y = 0,5x2 c) y=x2 d) y=-0,5x2  **Câu2.***Điền đúng sai vào bảng sau :*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đúng | Sai | | 1.Hàm số y=x2 đồng biến khi x<0 |  |  | | 2.Hàm số y = -2x2 đồng biến khi x>0 |  |  | | 3.Hàm số y = x2 nghịch biến khi x<0 |  |  | | 4.Hàm số y = x2 nghịch biến khi x>0 |  |  | | | | | |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút | |  | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài.  - Làm bài 2, 3 sgk trang 31 và xem lại cách vẽ đồ thị của hàm số y =ax+b (a0)  **Bài mới**  - Tìm hiểu trước cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a0) | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 50: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Nhắc lại được khái niệm và tính chất của hàm số y = ax2 ( a0 )

- Vận dụng tính chất của hàm số y = ax2 và hai nhận xét vào giải bài tập

**2. Kĩ năng:**

- Tính thành thạo giá trị của hàm số khi biết giá trị cho trước của biến số và ngược lại.

- Làm được bài toán thực tế để thấy rõ toán học bắt nguồn từ thực tế cuộc sống và lại quay trở lại phục vụ thực tế.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Chữa bài tập về nhà*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được tính chất của hàm số y = ax2 (a#0), vận dụng được kiến thức giải các bài toán đã cho về nhà.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | |
| ? Hàm số y = ax2 (a#0) có tính chất gì?  Chữa bài tập 1, 2 SGK  Gv kiểm tra viêc làm bài tập về nhà của Hs  Gv gọi Hs nhận xét  Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức | Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs lên bảng chữa bài  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và chữa đúng bài vào vở | **Bài 1**  ***a)***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ***R(cm)*** | ***0,57*** | ***1,37*** | ***2,15*** | ***4,09*** | | ***S=R2(cm2)*** | ***1.02*** | ***5,89*** | ***14,51*** | ***52,53*** |   *b)* Nếu R'=3R S'=*R'2=(3R)2=9R2=9S.* Vậy diện tích tăng 9 lần  **Bài 2**  a) Quãng đường chuyển động sau 1giây  s = 4.12 =4  Sau 1 giây vật cách mặt đất  100 - 4 = 96m.  Tương tự sau 2 giậy vật cách mặt đất  100 – 16 = 84 (m)  b) Vật tiếp đất khi s = 100 hay 4t2 =100 t2 = 25  t = 5 |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (21 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Chia nhóm, phòng tranh. | | |
| Bài 3 SGK tr29  Chia lớp thành các nhóm ba Hs , yêu cầu các nhóm giải bài tập 3, ghi lời giải vào giấy  Gv đưa lời giải lên bảng phụ yêu cầu các nhóm chấm chéo  (Gv có thể lấy điểm)  Gv chốt kiến thức  Bài 5trang 37 SBT  Chia lớp thành các nhóm , yêu cầu các nhóm suy nghĩ , tìm cách giải bài 5 trang 37 SBT.  *?Hệ số a được xác định bằng công thức nào?*  *?Muốn xét xem lần nào đo không đúng ta cần kiểm tra điều gì?*  *?Kết quả đã chứng tỏ lần đo nào không đúng?*  *?Khi biết a , biết y thì tính t như thế nào?*  *Hãy tính thời gian t khi y = 6,25.*  Gv chấm bài nhóm nhanh nhất  Động viên , khen ngợi nhóm có lời giải nhanh và đúng. | Thảo luận , thống nhất kết quả  Quan sát , nhận xét lời giải nhóm bạn  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài  Thảo luận thi đua giữa các nhóm.  Hs trả lời theo gợi ý của Gv  Hs quan sát và rút kinh nghiệm bài của nhóm mình | **Bài 3**  a) F = av2  vì v=2,F=120 nên ta có :  a.22 = 120  a = 30.  b) Vì F = 30v2 nên :  Khi v=10 thì F=30.102=3000(N)  Khi v=20 thi F=30.202 = 12000(N)  c) Vbão = 90kh/h  = 90000m/3600s = 25m/s  mà theo câu b cánh buồm chỉ chịu sức gió 20m/s  Vậy khi có Vbão = 90km/h thuyền không thể đi được.  **Bài 5**  a) Vì a= (t0) , mà  nên a=  Vậy lần đo đầu tiên không đúng.  b) 6,25 =.Do đó  t =(giây) |
| **Hoạt động 3: *Hướng dẫn HS sử dụng máy tính bỏ túi*** (11 phút)  ***Mục tiêu:*** Sử dụng được máy tính bỏ túi trong các ví dụ có liên quan.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | |
| Giới thiệu bài đọc thêm /32: dùng máy tính bỏ túi Casio fx - 220 để tính giá trị của biểu thức  Nêu ví dụ 1.  Hướng dẫn cả lớp cùng thực hiện theo hai cách.  Áp dụng cho HS làm BT 4 trang 36 SBT | Đọc SGK.  Quan sát ví dụ.  Thực hành theo hướng dẫn của GV.  2-3HS/nhóm  Đại diện các nhóm trả lời. | (SGK/32)    **Bài 4**  a)f(3)=-13,5<f(2)=-6<f(1)=-1,5  b)f(-1)=-1,5>f(-2)=-6>(-3)=-f13,5 |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút |  |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Đọc và xem lại bài học.  - Làm bài 2,3,6 sbt và ôn lại khái niệm đồ thị của hàm số y=f(x)  **Bài mới**  - Tìm hiểu trước cách vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a0) |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 51: ĐỒ THỊ HÀM SỐ y = ax2 (a0)**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Mô tả được hình dạng của đồ thị hàm số y = ax2( a 0) và phân biệt được chúng trong hai trường hợp a>0; a<0.

- Phát biểu được tính chất của đồ thị và liên hệ được tính chất của đồ thị với tính chất của hàm số y = ax2( a 0 ).

- Làm được bài tập có liên quan.

**2. Kĩ năng:**

- Vẽ chính xác đồ thị hàm số y = ax2 (a 0)

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng, PHT

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

Gv ĐVĐ: Ta đã biết , trên mặt phẳng toạ độ, đồ thị của hàm số y=f(x) là tập hợp các điểm có tọa độ (x,f(x)). Để xác định 1 điểm của đồ thị, ta lấy một giá trị của x làm hoành độ còn tung độ là giá trị tương ứng của y=f(x). Bài học hôm nay, ta đi xét xem đồ thị của hàm số y = ax2( a 0 ) có dạng như thế nào và nó có đặc điểm gì đặc trưng, cách vẽ ra sao?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Nhận xét*** (20 phút)  ***Mục tiêu:*** Biểu diễn được các điểm cho trước trên mặt phẳng tọa độ, nêu được dạng tổng quát của đồ thị hàm số y = ax2 (a 0).  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Động não, hoàn tất một nhiêmk vụ, đặt câu hỏi. | | | | |
| Gv chia lớp thành 6 nhóm , phát PHT ghi sẵn bảng giá trị ví dụ 1 và mp toạ độ Oxy SGK tr33+34.  Yêu cầu các nhóm đánh dấu các điểm A, B, C, O, C', B', A' lên mp Oxy và nhận xét một vài đặc điểm của đồ thị bằng cách trả lời các câu hỏi **?1**  *? Đồ thị hàm số y = 2x2 nằm ở phía trên hay phía dưới trục hoành?*  *? Vị trí của cặp điểm A, A' có quan hệ ntn đối với trục Oy?*  Tương tự đối với các cặp điểm B, B' và C, C'?  *? Điểm nào là điểm thấp nhất của đồ thị?*  Gv nhấn mạnh và chốt kiến thức  Tương tự GV giới thiệu ví dụ 2.  Yêu cầu HS quan sát và trả lời ?2  *? Từ ví dụ 1 , 2 phát hiện gì về dạng tổng quát đồ thị của hàm số y=ax2( a 0 )?*  Gv giới thiệu : Đường cong đó được gọi là một Parapol với đỉnh O.  *? Em có nhận xét gì về đồ thị hàm số y = ax2 ( a 0 ) khi a > 0; a< 0?*  Gv chốt kiến thức | |  | **1. Ví dụ 1:** Biểu diễn các điểm A(-3; 18); B(-2; 8); C(-1; 2); D(0; 0); E(1; 2); F(2; 8); G(3; 18) trên mặt phẳng tọa độ  2  8  18  A  B  C  D  E  F  G    -3 -2 -1 0 1 2 3 x  - Nối các điểm đó lại ta được một đường cong. Đó là đồ thị của hàm số y = 2x2  - Việc làm như vậy coi là vẽ đồ thị.  **?1**  - Đồ thị nằm ở phía trên trục hoành.  - Vị trí của cặp điểm đối xứng với nhau qua trục Oy.  - Điểm thấp nhất của đồ thị là D(0, 0).  **2. Ví dụ 2**  Trên mặt phẳng tọa độ xác định các điểm  M(-4; -8); N(-2; -2); P(0; 0); K(-1; )  Q(1; ); G(2; -2); H(4; -8)  y  -4 -2 -1  1 2 4  0  P  x  8    -2  M  N  K  Q  G  H  Nối các điểm đó lại ta được đồ thị của hàm số y = -0,5x2  **?2**  **3. Nhận xét**SGK tr35 | |
| Hs nhận PHT  Hs hoạt động nhóm làm theo yêu cầu của Gv  Hs trả lời **?1**  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài  Hs thực hiện yêu cầu ví dụ 2 theo HD của Gv  Hs trả lời **?2**  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe  Hs trả lời  Hs ghi nhớ và hoàn thiện bài vào vở |
| **Hoạt động 2: *Chú ý*** (11 phút)  ***Mục tiêu:*** Quan sát và nhận xét được tính đồng biến, nghịch biến của hàm số y = ax2 (a 0)  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, đọc hợp tác. | | | | |
| Gv yêu cầu HS làm ?3  *? Từ tính chất đối xứng của đồ thị hàm số y=ax2( a 0 ), em có thể nêu cách vẽ đồ thị trên như thế nào cho đơn giản.*  *?Hãy phân tích tính chất đồng biến , nghịch biến của hàm số thể hiện trên đồ thị?*  Giới thiệu phần chú ý SGK/35. | Hs tự giác làm bài  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | | | **4. Chú ý**  SGK tr36 |
| **Hoạt động 3: *Củng cố - Bài đọc thêm*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhận xét được tính đối xứng của hai đồ thị đối với trục Ox.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | |
| Gv yêu cầu Hs làm nhanh bài tập 4 SGK tr36  Gv cho Hs kiểm tra chéo kết quả  *? Em có nhận xét gì về tính đối xứng của hai đồ thị đối với trục Ox?*  Gv gọi Hs đứng tại chỗ đọc phần "Có thể em chưa biết"  Gv bổ sung thêm một số dữ kiện | | Hs làm bài  Hs kiểm tra chéo bài nhau  Hs trả lời  Hs đọc bài  Hs chú ý lắng nghe | **Bài 4** | |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | | - HS trình bày trong 1 phút |  | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Xem lại bài học.  - Làm bài 5,6 sgk trang 37,38.  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau luyện tập. | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 52: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức về đồ thị hàm số y = ax2 vào giải các bài toán tìm điểm thuộc đồ thị hàm số, tìm giao điểm của đồ thị hàm số bậc nhất và bậc hai...

- Tính thành thạo giá trị của hàm số khi biết giá trị cho trước của biến số và ngược lại.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận thức được toán học bắt nguồn từ thực tế cuộc sống và nó phục vụ nhiều trên thực tế.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được đồ thị của hàm số y = a2x (a # 0) có tính chất gì. Vận dụng được kiến thức trình bày lại bài 6 đã cho về nhà.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn tất một nhiệm vụ. | | |
| ? Đồ thị hàm số  Chữa bài tập 6/a,b SGK  (Gv gọi 2 hs lên bảng, mỗi Hs làm 1 phần)  Gv kiểm tra viêc làm bài tập về nhà của Hs  Gv gọi Hs nhận xét  Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức | Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs lên bảng chữa bài  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và chữa đúng bài vào vở | **Bài 6**  Hàm số y =f(x) = x2  a) Cho bảng   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y=x2 | 4 | 1 | 0 | 1 | 4 |   Đồ thị    b) ) f(-8) =64 f(-1,3) =1,69  f(-0,75) = 0,5625 f(1,5) =2,25 |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (28 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết bài cũ để làm các dạng bài tập có liên quan.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Đặt câu hỏi, lồng ghép kĩ thuật lược đồ tư duy khi dạy, hoàn tất một nhiệm vụ. | | |
| Bài 7  GV đưa hình 10 đã vẽ sẵn ở bảng phụ  *? Để tìm được hệ số a ta làm ntn?*  Gợi ý: Xác định tọa độ của điểm M  *? Để biết một điểm có thuộc đồ thị của hàm số không, ta làm ntn?*  Gv nhấn mạnh: Thay hoành độ x vào hàm số tìm y ⇒ so sánh với tung độ của điểm đó  Bài 8  *? Đồ thị H.11 được đánh dấu đi qua điểm nào (khác gốc toạ độ). Từ đó hãy tính hệ số a?*  *? Hãy tìm tung độ của điểm thuộc Parabol có hoành độ x = -3*  *? Hãy tìm các điểm của Parabol có tung độ y = 8?*  Gv gọi 3 Hs lên bảng chữa bài  Gv chốt kiến thức thông qua việc nhấn mạnh cách làm bài toán  Bài 9  Gọi Hs đọc bài và 1 Hs lên bảng làm câu a.  1 Hs khác tìm toạ độ giao điểm của hai đồ thị.  Gọi Hs khác nhận xét  *? Có thể tìm toạ độ giao điểm của hai đồ thị trên mà không cần dựa trên đồ thị có được không?*  Gv có thể hướng dẫn cách tìm.  Gv chốt kiến thức | Hs quan sát đồ thị  (Gv vẽ hình trên bảng phụ)  HS trả lời  M(2; 1) ⇒ x = 2  y = 1  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và làm bài  quan sát đồ thị  (Gv vẽ hình trên bảng phụ)  HS trả lời  1HS lên bảng làm câu a.  HS khác tìm toạ độ giao điểm.  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  Hs đọc bài  Hs lên bảng vẽ đồ thị 2 hàm số và tìm tọa độ giao điểm của chúng  Hs nhận xét  Hs trả lời | **Dạng 1. *Tìm hệ số a của hàm số y= ax2***  **Bài 7**  a) Vì M ∈ đồ thị của hàm số y = ax2  Nên ta có: 1 = a.22 ⇒ a =  Vậy hàm số có dạng  b)  Thay x= 4 vào hàm số  Ta có  Vậy điểm A(4; 4) thuộc đồ thị của hàm số  **Bài 8**    a) Vì đồ thị của hàm số y = ax2 đi qua điểm (-2; 2) nên , ta có:  a(-2)2 =2  a =  Vậy dạng của hàm số y = x2  b) Khi x = -3, ta có  y = .(-3)2 =  c) Khi y = 8, ta có x2 = 8  x =  Hai điểm cần tìm là : M(4;8) và M'(-4;8)  **Dạng 2. *Tìm giao điểm của đồ thị h/s y=ax +b và y= ax2***  **Bài 9**  Cho hai hàm số  y = -x + 6 (d) và y =  (P)  a) Cho bảng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | x | 0 | 1 | | y = -x + 6 | 6 | 5 |   Đường thẳng đi qua hai điểm có tọa độ (0;6) và (1;5) là đồ thị hàm số y = -x + 6   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -6 | -3 | 0 | 3 | 6 | | y = | 12 | 3 | 0 | 3 | 12 |   Đồ thị    b) Hoành độ giao điểm của (d) và (P) thỏa mãn PT  = -x + 6  ⬄ x2 + 3x – 18 = 0  ⬄ (x + 6)(x – 3) = 0  => x = -6; x = 3  Khi x = -6 => y = 12  x = -3 => y = 3  Vậy hai giao điểm có tọa độ (-6;12) và (3;3) |
| **Hoạt động 3: *Có thể em chưa biết*** (5 phút)  ***Mục tiêu:*** Nêu được ứng dụng của parabol.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Động não. | | |
| Gv gọi Hs đọc phần “Có thể em chưa biết) SGK tr 39 và giới thiệu về anten parabol | Hs đọc bài và chú ý lắng nghe |  |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (1ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài, xem lại các dạng bài tập đã chữa.  0 Làm bài 10,11,12 trang 38 sbt.  **Bài mới**  - Xem trước bài.**§3.Phương trình bậc hai một ẩn.**  **-** Trả lời các ? sgk. |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 53: PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN SỐ**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Phát biểu được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, đặc biệt luôn nhớ a ≠ 0

- Nhắc lại được phương pháp giải riêng các phương trình bậc hai đặc biệt.

- Vận dụng được kiến thức giải một số ví dụ.

**2. Kĩ năng:**

- Biến đổi được phương trình dạng tổng quát ax2 + bx + c = 0 về dạng:



trong các trường hợp a, b, c là những số cụ thể để giải phương trình.

- Thực hiện được một số ví dụ cụ thể.

**3. Thái độ:**

- Chú ý quan sát, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, mong muốn vận dụng.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

GV ĐVĐ: Chúng ta đã được học khái niệm về phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải của nó ở lớp 8 . Hôm nay chúng ta sẽ được làm quen với một loại phương trình nữa đó là phương trình bậc hai một ẩn. Phương trình bậc hai một ẩn có dạng như thế nào? Cách giải ra sao?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Bài toán mở đầu*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Hs giải được bài tập ở ví dụ mở đầu, nhận biết được phương trình bậc hai 1 ẩn.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Động não, giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ. | | | |
| Gv HD Hs giải bài toán và giới thiệu về phương trình bậc hai một ẩn.  Cụ thể ta vào phần 2 | | Hs giải bài theo HD của Gv  Hs hoàn thiện vở ghi | **1. Bài toán mở đầu**  SGK tr40  ***Phương trình  được gọi là phương trình bậc hai một ẩn.*** |
| **Hoạt động 2: *Định nghĩa*** (9 phút)  ***Mục tiêu:*** Nêu được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, lấy được ví dụ, trả lời được ?1.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn tất một nhiệm vụ, động não. | | | |
| ? Dựa vào phần 1, hãy phát biểu : *Thế nào là phương trình bậc hai một ẩn?*  Gv nhấn mạnh a,b,c là các hệ số cho trước điều kiện a phải khác 0.  *? Cho 1 vài ví dụ về phương trình bậc hai ?Chỉ rõ các hệ số của chúng.*  Yêu cầu HS kiểm tra kết quả  Hãy làm ?1 trang 40 SGK(bảng phụ)  Gv chốt kiến thức | HS phát biểu  Lớp lắng nghe và nhận xét.  Hs chú ý lắng nghe  HS đứng tại chỗ nêu ví dụ của mình  Hs kiểm tra  Quan sát , đứng tại chỗ trả lời :a,c,e | | **2. Định nghĩa**  ***a) Định nghĩa****: Phương trình bậc hai một ẩn (pt bậc hai) là pt có dạng*  *ax2+bx +c = 0*  *Trong đó: x là ẩn*  *a, b, c là các số cho trước (hệ*  *số), a # 0*  ***b) Ví dụ***  **?1** Các phương trình bậc hai:  a) x2 - 4= 0 với a = 1; b = 0; c = -4  c) 2x2 + 5x = 0 với a = 2; b = 5; c = 0  e) -3x2 = 0 với a = -3;b = 0; c = 0 |
| **Hoạt động 3: *Một số ví dụ về giải phương trình bậc hai*** (22 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết bài cũ để điền vào chỗ ...  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ, đặt câu hỏi. | | | |
| Giới thiệu ví dụ 1 SGK.  *? Đây có phải là phương trình bậc hai không? Hãy xác định các hệ số?*  *? Nêu cách làm?*  *? Hãy tìm nghiệm của phương trình tích vừa tìm được.*  *? Phương trình đã cho có mấy nghiệm?*  Tương tự hãy giải phương trình ở ?2  Giới thiệu ví dụ 2  *? Đây có phải là phương trình bậc hai không? Hãy xác định các hệ số?*  *? Nêu cách làm?*  Hãy tìm nghiệm của phương trình.  Tương tự làm ?3  Yêu cầu HS điền vào chỗ trống để hoàn thành ?4(bảng phụ)  *? Hãy giải phương trình ở ?5*  *? Phương trình ?5 có tương đương với phương trình ở ?4 không?*  *? Hãy giải phương trình ở ?6*  *? Phương trình này có tương đương với phương trình ở ?5 không ?*  *(Gv HD HS cộng thêm vào 2 vế của phương trình cùng một số để được hằng đẳng thức) .*  *? Hãy giải phương trình ở ?7*  *? Phương trình này có tương đương với phương trình ở ?6 không ?*  Giới thiệu ví dụ 3  *? Từ việc giải các phương trình trong ?4,5,6,7 hãy nêu cách giải cho phương trình ví dụ 3?*  Gọi HS nêu từng bước để giải.  Gv chốt kiến thức | | Hs ghi ví dụ 1.  HS trả lời.  Phân tích vế trái thành nhân tử để đưa về phương trình tích  HS lên bảng chữa bài. Lớp cùng làm vào vở.  Hs trả lời  Cá nhân làm vào vở. Đại diện 1HS lên bảng.  Hs ghi ví dụ 2  HS trả lời.  Biến đổi phương trình về dạng x2=m.  HS lên bảng chữa bài. Lớp cùng làm vào vở.  Hs lên bảng chữa  1HS trả lời và đưa phương trình ?5 về ?4  Thực hành theo hướng dẫn của GV , 1HS lên bảng .  1HS trả lời và đưa phương trình ?7 về ?6  Quan sát , ghi ví dụ 3 vào vở.  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | a) Ví dụ 1  Ta có :  *3x2-6x =0* 3x(x - 2) = 0      Vậy PT có 2 nghiệm x1 = 0; x2 = 2  ***?2*** *2x2 + 5x = 0* x(2x + 5) = 0      Vậy PT có 2 nghiệm x1 = 0; x2 =  b) Ví dụ 2  *x2 - 3 = 0* x2 = 3  x = +  Vậy PT có 2 nghiệm x1 =; x2 = -  ***?3*** *3x2 - 2 = 0**3x2 = 2*    Vậy PT có 2 nghiệm x1 =; x2 = -  ***?4*** *(x -2)2 =*  Vậy pt có 2 nghiệm:  ***?5*** *x2 - 4x + 4 =*  *(x -2)2 =*  ***?6*** *x2 - 4x = -*  *x2 - 4x + 4 =*  *(x - 2)2 =*  ***?7*** *2x2 - 8x = -1*  *x2 - 4x = -*  *x2 - 4x + 4 =*  *(x - 2)2 =*  c) Ví dụ 3  *2x2 - 8x + 1= 0*  *2x2 - 8x = -1*  *x2 - 4x = -*  *x2 - 4x + 4 =*  *(x - 2)2 =*  Vậy PT có 2 nghiệm: |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | | - HS trình bày trong 1 phút |  |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Xác định được dạng phương trình bậc hai,cách giải phương trình bậc hai.  - Làm BT 11,12,13,14 trang 41,42.  **Bài mới**  - Tiết sau luyện tập |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 54: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng khái niệm phương trình bậc hai một ẩn, xác định thành thạo các hệ số a, b, c, đặc biệt là a ≠ 0 để làm các bài tập theo yêu cầu

- Giải thạo các phương trình thuộc hai dạng đặc biệt khuyết b: ax2 + c = 0 và khuyết c: ax2 + bx = 0.

**2. Kĩ năng:**

- Biết và hiểu cách biến đổi một số phương trình có dạng tổng quát ax2 + bx + c = 0 (a ≠ 0) để được một phương trình có vế trái là một bình phương, vế phải là hằng số.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Chữa bài tập về nhà*** (14 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn, vận dụng kiến thức làm lại được bài tập đã giao về nhà.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn tất một nhiệm vụ, động não | | | | |
| ? Thế nào là phương trình bậc hai một ẩn?  Chữa bài tập 13, 14 SGK  (Gv gọi 2 hs lên bảng, mỗi Hs làm 1 bài)  Gv kiểm tra viêc làm bài tập về nhà của Hs  Gv gọi Hs nhận xét  Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức | Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs lên bảng chữa bài  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và chữa đúng bài vào vở | | **Bài 13**  a) x2 + 8x = -2  x2 + 2.x.4 +42 = -2 +42  (x+4)2 =14  x+4=    Vậy : Phương trình có hai nghiệm  x1=-4+; x2 =-4-  b) x2 + 2x =    Vậy : Phương trình có hai nghiệm  x1=-1+; x2 =-4-  **Bài 14**  2x2+5x+2=02x2+5x=-2x2+x=-1  x2 +2.x.+=-1+    Vậy : Phương trình có hai nghiệm  x1 = -0,5 ; x2 = -2 | |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (29 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết bài cũ để làm bài tập.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, động não, hoàn tất một nhiệm vụ, đặt câu hỏim hỏi và trả lời. | | | | |
| Bài tập 15 (b, c) tr 40 SBT  - 2 HS lên bảng làm bài  - HS dưới lớp làm việc cá nhân  ? Có cách nào khác để giải câu b không?  \* HS dưới lớp có thể làm như sau:  -x2 + 6x = 0  ⇔ -x (x - 3) = 0  ⇔ - = 0 hoặc x - 3 = 0  ⇔ x = 0 hoặc x = 3.  Bài 16 (c. d) Tr 40 SBT  - GV đưa lên các cách giải khác để HS tham khảo.  Cách 1: Chia cả 2 vế cho 1,2, ta có:  x2 - 0,16 = 0  x2 = 0,16  x = ± 0,4  Cách 2: x2 - 0,16 = 0  ⇔ (x - 0,4) (x + 0,4) = 0  ⇔ x = 0,4 hoặc x = - 0,4  - GV gọi HS đứng tại chỗ làm bài, GV ghi bảng, HS dưới lớp theo dõi và ghi bài  - GV lưu ý HS nào viết bài giải như sau vẫn đúng:  Cách 2: 1172,5x2 + 42,18 = 0  1172,5x2 = - 42,18  x2 = -  Vế trái x2 ≥ 0, vế phải là số âm ⇒ phương trình vô nghiệm.  Bài tập 17 (c, d) tr 40 SBT  ? Em có cách nào khác để giải phương trình.  HS: (2x -)2 - (2)2 = 0  ⇔(2x-+2)(2x--2)=0  ⇔ (2x +)(2x-3)=0  ⇔ 2x = -hoặc 2x = 3  ⇔ x = -/2 hoặc x = 3/2  Vậy kết quả như trên.    Bài tập trắc nghiệm.  Gv đưa đề bài lên bảng phụ, yêu cầu Hs đứng tại chỗ trả lời  \*Gv chốt lại cách giải phương trình bậc hai khuyết | | | **Dạng 1: *Giải phương trình***  **Bài 15**  b) - x2 + 6x = 0  ⇔ x (- + 6)= 0  ⇔ x = 0 hoặc - + 6 =0  ⇔ x = 0 hoặc - x = -6  ⇔ x = 0 hoặc x =  Vậy phương trình có hai nghiệm là  x1 = 0 ; x = 3  c) 3,4x2 + 8,2x = 0  ⇔ 34x2 + 82x = 0  ⇔ 2x(17x + 41) = 0  ⇔ 2x = 0 hoặc 17x + 41 = 0  ⇔ x = 0 hoặc 17x = -41  ⇔ x = 0 hoặc x =  Vậy phương trình có 2 nghiệm là:  x1 = 0 ; x2 =  **Bài 16**  c) 1,2x2 - 0,192 = 0  ⇔ 1,2x2 = 0,192  ⇔ x2 = 0,192 : 1,2  ⇔ x2 = 0,16  ⇔ x = ± 0,4  Vậy phương trình có nghiệm là  x1 = 0,4 ; x2 = - 0,4  d) 1172x2 + 42,18 = 0  Vì 1172,5x2 ≥ 0 với mọi x  ⇒ 1172,5x2 + 42,18 > 0 với mọi x  ⇒ Vế trái không bằng vế phải với mọi giá trị của x ⇒ phương trình vô nghiệm.  **Bài tập 17**  c) Giải phương trình  (2x - )2 - 8 = 0  ⇔ (2x - )2 = 8  ⇔(2x -)2 = (2)2  ⇔ 2x- = ± 2  ⇔ 2x -= 2 hoặc  2x - = -2  ⇔ 2x = 3 hoặc 2x = -  ⇔ x =  hoặc x = -  **Dạng 2: *Bài tập trắc nghiệm***  **Bài 1**: Kết luận sai là:  D) Phương trình bậc hai một ẩn số  ax2 + bx + c = 0  phải luôn có điều kiện a ≠ 0  B) Phương trình bậc hai một ẩn khuyết c không thể vô nghiệm.  C) Phương trình bậc hai mọt ẩn khuyết cả b và c luôn có nghiệm.  D) Phương trình bậc hai khuyết b không thể vô nghiệm .  Đáp án : **D**.  Kết luận này sai vì phương trình bậc hai khuyết b có thể vô nghiệm.  Ví dụ 2x2 + 1 = 0  **Bài 2**: Phương trình 5x2 - 20 = 0 có tất cả các nghiệm là:  A. x = 2 B. = -2  C. x = ± 2 ; D. x = ± 16  Đáp án : **C**. | |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Viết tích cực | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài, xem và làm lại các dạng bài tập đã giải.  - Làm bài 18 SBT tr40 (HS khá , giỏi làm thêm bài 19)  **Bài mới**  - Xem trước **§4.Công Thức Nghiệm Của Phương Trình Bậc Hai.**  - Xem lại cách giải phương trình ở ví dụ 3 §3 |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 55: CÔNG THỨC NGHIỆM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

* Nhớ biệt số . Với điều kiện nào của Δ thì phương trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.
* Vận dụng được công thức nghiệm của phương trình bậc hai để giải thành thạo phương trình bậc hai.

**2. Kĩ năng:**

- Viết được biệt số . Thực hiện được việc giải phương trình bậc hai một ẩn nhờ sử dụng biệt số.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

GV ĐVĐ: Giờ trước ta học được cách giải phương trình bậc 2 một ẩn. Giờ này ta cùng nhau tìm hiểu công thức tổng quát về nghiệm của phương trình bậc hai ax2 + bx + c = 0 để giúp ta tìm nghiệm của phương trình bậc hai một cách nhanh chóng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Công thức nghiệm*** (17 phút)  ***Mục tiêu:*** Hs quan sát 2 bài toán và nêu được các bước biến đổi phương trình, nêu được kết luận nghiệm của phương trình bậc hai theo dấu của biệt thức .  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, động não, các mảnh ghép. | | | | |
| Công thức tìm nghiệm đó là gì ?Ta vào mục 1.  Đưa phương trình tổng quát ax2+bx+c=0 lên bảng.  Gọi HS nêu từng bước biến đổi phương trình và GV ghi song song hai bài toán trên bảng để HS dễ suy luận.  Giới thiệu biệt thức  và chỉ rõ cách đọc .  Bây giờ dùng phương trình (2) , ta xét mọi trường hợp có thể xảy ra đối với  để suy ra khi nào thì phương trình có nghiệm và viết nghiệm đó bẳng cách hoàn thành ?1, ?2.  (Chia nhóm )  ? Hãy nêu kết luận nghiệm của phương trình bậc hai theo dấu của biệt thức ?  Đưa tóm tắt công thức nghiệm của phương trình bậc hai lên màn hình.  Gv chốt kiến thức về công thức nghiệm của PT bậc hai  Lưu ý hs xác định chính xác hệ số a, b, c của PT | ghi mục 1.  Quan sát và tìm cách giải.  Đại diện từng HS trả lời cho GV ghi bảng.  Nghe GV giới thiệu và ghi nhớ.  Thảo luận nhóm hoàn thành ?1,2  Đại diện 1HS trả lời, lớp theo dõi và nhận xét.  Quan sát và ghi nhớ. | | | **1. Công thức nghiệm**  Xét PT: ax2 + bx +c = 0 (a  0) (1)    Đặt  (2)  - Nếu Δ > 0 thì PT (2) suy ra  Do đó phương trình (1) có hai nghiệm    - Nếu Δ = 0 thì PT (2) suy ra  Do đó phương trình (1) có nghiệm kép    - Nếu Δ < 0 thì PT (2) vô nghiệm  Do đó phương trình (1) vô nghiệm |
| **Hoạt động 2: *Áp dụng*** (15 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết đã học để tìm nghiệm của ptb2.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ, đặt câu hỏi, khăn trải bàn. | | | | |
| *? Để giải phương trình bậc hai đầu tiên ta phải làm gì?*  *? Biệt thức  được xác định theo công thức nào?*  *Xác định các hệ số a,b,c?*  *Một em hãy lên bảng tính ?*  *Nhận xét dấu của  và kết luận nghiệm?*  Yêu cầu HS làm ?3  Gọi đại diện mỗi dãy lên bảng giải.  Gv nhận xét , nhấn mạnh các bước giải.  Quan sát các ví dụ đã giải và nêu nhận xét  *? Nếu a,c trái dấu thì  sẽ có dấu gì?*  *? Có thể kết luận gì về nghiệm của phương trình?*  Giới thiệu chú ý SGK. | | Tính biệt thức .  Từng HS trả lời theo hướng dẫn của GV.  Cá nhân  1/3 lớp câu a .  1/3 lớp câu b.  1/3 lớp câu c.  3HS lên bảng , lớp theo dõi và nhận xét.  dương.  luôn luôn có 2 nghiệm phân biệt.  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | | **2. Áp dụng**  Giải phương trình : 3x2 +5x -1 = 0  Ta có: a = 3; b = 5; c = -1  = b2 – 4ac = 25 – 4.3(-1) = 37 > 0  Vậy ptrình có hai nghiệm phân biệt :    **?3**  a) Giải phương trình : 5x2 - x - 4 = 0  Ta có: a = 5; b = -1 ; c = -4  = b2 – 4ac = (-1)2 – 4.5(-4) = 81 > 0  Vậy ptrình có hai nghiệm phân biệt :    b) Giải phương trình : 4x2 – 4x +1 = 0  Ta có: a = 4; b = -4; c = 1  = b2 – 4ac = (-4)2 – 4.4.1 =16-16 = 0  Vậy ptrình có nghiệm kép:    c) Giải phương trình : -3x2 + x – 5 = 0  Ta có: a = -3; b = 1; c = -5  = b2 - 4ac = 1 – 4.(-3)(-5) = -59 < 0  Vậy ptrình vô nghiệm |
| **Hoạt động 3: *Củng cố*** (9 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết để làm bài tập 15 sgk.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn tất một nhiệm vụ, động não. | | | | |
| *? Nêu công thức tìm nghiệm của phương trình bậc hai?*  *? Các bước giải phương trình bậc hai.*  Làm bài tập 15 SGK tr45  Gv nhấn mạnh lại công thức và chú ý cách xác định hệ số a, b, c của PT | Hs trả lời  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài | | | Bài 15  a)  = -80 < 0 : PT vô nghiệm  b)  = 0 : PTnghiệm kép  c)  =  > 0 : PT có hai nghiệm phân biệt  d) =15,75 > 0 : PT có hai nghiệm phân biệt |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút | |  | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Thuộc công thức nghiệm của PT bậc hai  - Làm bài tập 16 SGK tr45, bài SBT  - Đọc bài đọc them SGK tr47  **Bài mới**  - Tiết sau luyện tập | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 56: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng thành thạo công thức nghiệm tổng quát vào giải phương trình bậc 2 .

- Giải các pt bậc hai và chú ý về các điều kiện của Δ để phương trình bậc 2 một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có 2 nghiệm phân biệt.

- Linh hoạt với các trường hợp phương trình bậc 2 đặc biệt không cần dùng đến công thức tổng quát.ỵ

**2. Kĩ năng:**

- Thực hiện được việc giải các pt bậc hai và chú ý về các điều kiện của Δ để phương trình bậc 2 một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có 2 nghiệm phân biệt.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Kiểm tra bài cũ - Chữa bài tập về nhà*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được công thức nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi. | | |
| ? Nêu công thức nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn?  Chữa bài tập 16/d,e SGK  Gv kiểm tra việc làm bài tập về nhà của Hs  (Gv cho Hs làm bài vào giấy, thu một vài bài và cho Hs khác chấm chéo)  *? Nêu lỗi sai của bạn?*  (Yêu cầu HS sửa)  Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức | Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs chữa bài vào giấy  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và chữa đúng bài vào vở | **Bài 16**  d) 3x2 + 5x + 2 = 0  Ta có  = 32 - 4.3.2 = 1 > 0  Vậy PT có hai nghiệm phân biệt  x1 = - ; x2 = -1  e) y2 - 8y+16 =0  Ta có  = (-8)2 - 4.1.16 = 0  Vậy PT có nghiệm kép y1 = y2 = 4 |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (31 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học giải các dạng bài tập có liên quan.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, động não, hoàn tất một nhiệm vụ, chia nhóm. | | |
| Bài 21 (b) tr 41 SBT  GV yêu cầu hs lên bảng trình bày  - Gv nhận xét từng bài  **Bài 15 (d) tr 40 SBT**  Giải phương trình    Đây là phương trình bậc hai khuyết c, để so sánh hai cách giải, GV yêu cầu nửa lớp dùng công thức nghiệm, nửa lớp biến đổi về phương trình tích.  - Yêu cầu hai hs làm vào bảng phụ  - Gv nhận xét , đánh giá  - Gv hỏi cách nào làm nhanh hơn  - GV chốt:Với phương trình bậc hai khuyết c, cách 2 giải nhanh hơn.  Bài 1 (Bảng phụ)  Hướng dẫn lớp cùng thực hiện dựa trên nhận xét về tích a.c  ? Có cách nào khác không?  Bài 2 (Bảng phụ)  Cho Hs HĐ nhóm đôi  (1 nhóm làm vào bảng phụ)  Yêu cầu Hs chấm chéo  Gv đánh giá và chốt kiến thức | hs lên bảng làm bài  Hs lắng nghe    Hs làm theo nhóm  Hs chú ý quan sát  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở  Hs theo hướng dẫn của GV hoàn thành bài giải.  Hs trả lời  Thảo luận nhóm , thống nhất kết quả.  Hs nhận xét chéo  Hs hoàn thiện vở ghi | ***Dạng 1: Giải phương trình***  **Bài 21 (b) tr 41 SBT**  2x2 - (1 - 2  a = 2, b = - 1(-2); c = -)  Δ = b2 - 4ac  = (1- 2)2 - 4.2 (-)  ... = (1 + )2 > 0  do đó phương trình có hai nghiệm phân biệt: x1 =  ; x2 =  b) 4x2 + 4x + 1 = 0  a = 4 , b = 4 , c = 1  Δ = b2 - 4ac  = 16 - 16 = 0, do đó phương trình có nghiệm kép: x1 = x2 = -  d) -3x2 + 2x + 8 = 0  3x2 - 2x - 8 = 0  a = 3 , b = - 2 , c = -8  Δ = b2 - 4ac  (-2)2 - 4 .3 . (-8)  = 4 + 96 = 100 > 0, do đó phương trình có hai nghiệm phân biệt  x1 = 2 , x2 = - 4/3  **Bài 15 (d) tr 40 SBT**  Cách 1: Dùng công thức nghiệm    a= 2/5 , b= 7/3 , c = 0  Δ=  Phương trình có 2 nghiệm phân biệt:  x1 =  Cách 2: Đưa về phương trình tích      ⇔ x = 0 hoặc  ⇔ x = 0 hoặc x = -  ⇔ x = 0 hoặc x = -35/6  kết luận nghiệm phương trình  ***Dạng 2: Chứng minh***  **Bài 1:**  Chứng minh rằng phương trình:(m2+1)x2 +2mx - 2=0 luôn có nghiệm với mọi m  **Giải**  Ta có: a=m2+1>0 , c =-2 <0 ac <0  Vậy phương trình có hai nghiệm phân biệt.  **Bài 2:**  Chứng minh rằng phương trình: x2 +2mx +m- 2=0 luôn có nghiệm với mọi m  **Giải**  Ta có: =4m2-4(m-2)=(2m-1)2+70  Vậy phương trình có hai nghiệm phân biệt. |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (1ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài, xem và làm lại các dạng bài tập đã giải.  - Làm BT 21, 23, 24 trang 38 SBT.  **Bài mới**  - Xem trước **§5.Công Thức Nghiệm Thu Gọn** |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 57: CÔNG THỨC NGHIỆM THU GỌN**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Xác định được b' khi cần thiết và nhớ công thức nghiệm thu gọn '

- Vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn, sử dụng triệt để công thức này trong mọi trường hợp có thể để làm cho việc tính toán giản đơn hơn

- Vận dụng được công thức nghiệm của phương trình bậc hai để giải thành thạo phương trình bậc hai.

- Thấy được lợi ích của của công thức nghiệm thu gọn.

**2. Kĩ năng:**

- Thực hiện được việc sử dụng công thức nghiệm thu gọn.

- Tính được nghiệm của phương trình bậc hai.

**3. Thái độ:**

Chú ý quan sát, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, mong muốn vận dụng.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Công thức nghiệm*** ***thu gọn*** (14 phút)  ***Mục tiêu:*** Tính được *’,* qua đó xác định được công thức nghiệm thu gọn.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Chia nhóm, giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ, động não. | | | |
| Giới thiệu : Đối với phương trình  ax2+bx +c = 0 (a0)  trong trường hợp nếu đặt b=2b' hay b'=  thì việc tính toán để giải phương trình sẽ đơn giản hơn.  *? Nếu đặt b=2b' hãy tính  theo a,b',c*  *? Nếu kí hiệu '=b'2- ac thì liên hệ giữa  và ' như thế nào?*  Yêu cầu HS làm ?1  (Bảng phụ) | Nghe GV giới thiệu .  =(2b')2 -4ac  = 4b'2 -4ac  =4(b''2-ac)  =4'  Thảo luận nhóm chứng tỏ công thức nghiệm của phương trình theo b' và '. | | **1. Công thức nghiệm thu gọn** |
| Đối với phương trình ax2+bx +c = 0(a0)và b=2b' , '=b''2-ac :   * Nếu '>0 thì phương trình có hai nghiệm phân biệt   x1 =  ; x2 =   * Nếu ' = 0 thì phương trình có nghiệm kép x1 = x2 = -   Nếu '<0 thì phương trình vô nghiệm. | | | |
| **Hoạt động 2: *Áp dụng*** (15 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học trả lời các ?  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | |
| Giới thiệu ?2.  Yêu cầu HS xác định các hệ số a,b',c.  ?Xác định ' ,  ?  ?Nghiệm của phương trình là gì?  Cho HS thực hành ?3  (1/2 lớp câu a , 1/2 lớp câu b)  Yêu cầu HS từng đôi một kiểm tra kết quả cho nhau.  Gv chốt kiến thức | | Đọc đề bài.  Lần lượt từng HS đứng tại chỗ trả lời.  Hs tự giác làm bài  Đại diện 2 dãy lên bảng trình bày.  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **2. Áp dụng**  **?2** 5x2 + 4x - 1 = 0  a=5 ; b'=2 ; c=-1  ' = b''2-ac = 22 - 5.(-1) =9  =3  Nghiệm của phương trình:  x1 = =  x2 = =  **?3**  a) 3x2+8x +4 =0  ' = b''2-ac = 42 - 3.4 =4  =2  Nghiệm của phương trình:  x1 = =  x2 = =  b) 7x2 - 6x +2 =0  ' = b''2-ac =(3)2 - 7.2 =4  =2  Nghiệm của phương trình:  x1 = =  x2 = = |
| **Hoạt động 3: *Củng cố*** (11 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhâc lại được công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai, vận dụng làm bài tập 19 sgk.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hỏi và trả lời, giao nhiệm vụ. | | | |
| *? Nêu công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai?*  Làm bài tập 17, 19 SGK tr45  Gv nhấn mạnh lại công thức và chú ý cách xác định hệ số a, b’, c của PT và chốt kiến thức toàn bài | Hs trả lời  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài | | **Bài 17**  a) '=22 - 4.1 = 0  Phương trình có nghiệm kép  x1 = x2 = -  b) **'=**(-7)2 -13852.1 =49 - 13852 <0  Phương trình vô nghiệm.  c) ' = (-3)2 - 5.1 = 4 => =2  Phương trình có hai nghiệm  x1 =  ; x2 =  d) ' =(22 - (-3).4 = 24 + 12 = 36 =>  =6  Phương trình có hai nghiệm  x1 =  x2 =  **Bài 19**  Khi a<0 và phương tình vô nghiệm thì b2 - 4ac <0 .  Do đó  nên |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Viết tích cực. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Thuộc công thức nghiệm thu gọn của PT bậc hai  - Làm bài tập 18,20 SGK  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau luyện tập |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 58: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng thành thạo công thức nghiệm và công thức nghiệm thu gọn để giải phương trình bậc 2 .

- Nhận biết số nghiệm của phương trình mà không cần giải.

**2. Kĩ năng:**

- Biết giải phương trình bậc hai với hệ số hằng và phương trình bậc hai có chứa tham số.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Kiểm tra bài cũ - Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai một ẩn, tìm được lỗi sai (nếu có) trong bài lam của bạn.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ, động não, đặt câu hỏi. | | |
| ? Nêu công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai một ẩn?  Chữa bài tập 18 SGK  Gv kiểm tra việc làm bài tập về nhà của Hs  (Gv cho Hs làm bài vào giấy, thu một vài bài và cho Hs khác chấm chéo)  *? Nêu lỗi sai của bạn?*  (Yêu cầu HS sửa)  Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức | Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs chữa bài vào giấy  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và chữa đúng bài vào vở | **Bài 18** |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (32 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học giải các dạng bài tập có liên quan.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ. | | |
| Bài 20 SGK  Gọi hai hs lên bảng làm bài  Yêu cầu cả lớp làm vào vở  Gọi Hs nhận xét  Gv đánh giá, cho điểm và chốt kiến thức thông qua lỗi Hs hay mắc phải  Bài 21 SGK  ? Khi a, c trái dấu ⇒ tính a.c như thế nào? ⇒ -ac như thế nào?  Δ = b2 - 4ac  b2 ≥ 0  Xét -4ac ?  \* Áp dụng: Hãy giải thích  Gv nhấn mạnh: Khi a, c trái dấu thì a.c > 0  ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt  Bài 24 SGK  Gv yêu cầu Hs đọc đề bài  *? Với giá trị nào của m thì phương trình có 2 nghiệm phân biệt? Vô nghiệm? Có nghiệm kép?*  Gv yêu cầu Hs HĐN 3 làm bài  Gv chữa bài nhóm nhanh nhất, yêu cầu các nhóm còn lại chấm chéo  Gv đánh giá và chốt kiến thức | - HS lên bảng làm bài  Cả lớp làm bài vào vở  Hs nhận xét và cho điểm bạn trên bảng  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm  - Hs trả lời  HS giải thích  Hs lắng nghe và ghi bài  Hs đọc yêu cầu bài toán  Hs tính Δ'  Hs trả lời  Hs HĐN  HS chấm chéo bài nhau  Hs chữa bài vào vở | **Dạng 1. *Giải phương trình***  **Bài 20**    b) 2x2 + 3 = 0  Ta thấy 2x2 + 3 > 0 ⇒ pt vô nghiệm        ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt    **Dạng 2: *Số nghiệm của pt***  ***Bài 21.*** Cho phương trình ax2 + bx + c = 0 với a, c trái dấu. Hãy giải thích vì sao phương trình có 2 nghiệm phân biệt  \* Vì a, c trái dấu  ⇒ ac < 0 ⇒ -ac > 0  Δ = b2 - 4ac > 0  ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt  \* Áp dụng, không giải phương trình hãy cho biết mỗi phương trình sau có bao nhiêu nghiệm.  a) 15x2 + 4x - 2005 = 0  ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt vì a, c trái dấu.    ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt vì a, c trái dấu.  **Dạng 3: *Phương tình chứa tham số***  **Bài 24**  Cho phương trình  x2 - (m - 1) x + m2 = 0  a) Tính Δ': Δ' = (m-1)2 - m2  = m2-2m+1-m2  = 1 - 2 m  b)  \* Để pt có 2 nghiệm phân biệt thì:    \* Để phương trình vô nghiệm thì  Δ'<0 ⇔ 1 - 2m < 0  ⇔ -2m < -1  Để phương trình có nghiệm kép thì Δ' = 0 |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài, xem và làm lại các dạng bài tập đã giải.  - Làm bài 28, 29, 32, 34 SBT  **Bài mới**  - Chuẩn bị trước bài « Hệ thức Vi- et và ứng dụng » |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 59: HỆ THỨC VI – ÉT VÀ ỨNG DỤNG**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

* Phát biểu được hệ thức Vi-ét. Biết cách biểu diễn tổng các bình phương, các lập phương của hai nghiệm qua các hệ số của phương trình.
* Vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Vi-ét để:
* Nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trường hợp a + b + c = 0;

a - b + c = 0 hoặc các trường hợp mà tổng và tích của hai nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không lớn lắm.

* Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng.

**2. Kĩ năng:**

- Tính được hệ thức Vi- ét, thực hiện được việc nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong trường hợp đặc biệt.

**3. Thái độ:**

* Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*8 phút*).

-Viết công thức nghiệm của phương trình bậc hai, công thức nghiệm thu gọn

Hãy tính:

a) x1 + x2

b) x1.x2

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Hệ thức Vi-ét*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Phát biểu được định lí Vi- ét, vận dụng được định lí vào ví dụ đơn giản.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, đọc hợp tác, hoàn tất một nhiệm vụ, chia nhóm. | | | | |
| -Gọi HS đọc đl Vi-ét.  -Biết rằng các pt sau có nghiệm, hãy tính tổng và tích của chúng.  a) 2x2 – 9x + 2 = 0  b) -3x2 + 6x – 1 = 0  -Nhờ đl Vi-ét nếu đã biết 1 nghiệm của pt bậc hai thì có thể suy ra nghiệm kia.  - Cho HS làm ?2  PT: 2x2 - 5x + 3 = 0  a)Xác định a, b, c rồi tính  a + b + c  b) x = 1 là nghiệm của pt  c)Tìm x2?  - Qua bài này em có nhận xét gì?   * Cho HS làm ?3   PT: 3x2 + 7x + 4 = 0 Rút ra nhận xét.   * Làm ?4 * Gv chốt kiến thức | -Đọc định lí  a) x1 + x2 =  Và x1 .x2  =  = 1  b) x1 + x2 =  Và x1 . x2 =  ?2 a) a = 2; b = - 5; c = 3  a + b + c = 2 – 5 + 3 = 0  b)Thay x = 1 vào pt ta có:  2.12 – 5.1 + 3 = 0. Vậy x=1 là 1 nghiệm của pt.  c)Theo đl Vi-ét, ta có:  x1.x2 =  = 1,5 ⇒ x2 = 1,5  -Nêu nhận xét sgk.  Làm ?3  Thực hiện tương tự ?2.  -Nêu nhận xét sgk  -Hoạt động theo nhóm. | | 1/ Hệ thức Vi-ét:  Nếu x1,x2 là hai nghiệm của phương trình ax2+ bx + c = 0 (a ? 0) thì:  Tổng quát:  •PT: ax2+ bx + c = 0 (a? 0)  Có: a + b + c = 0 thì  x1 = 1; x2 =  Ví dụ:  –5x2 + 3x + 2 = 0  a + b + c = – 5 + 3 + 2 = 0  pt có 2 nghiệm:  x1 = 1; x2 =  =  •PT ax2+ bx + c = 0 (a ?0)  Có: a – b + c = 0 thì  x1= –1; x2 = –  Ví dụ:  2004x2 + 2005x + 1 = 0  a – b + c = 2004 – 2005 +1 = 0. PT có 2 nghiệm:  x1 = –1; x2 = = | |
| **Hoạt động 2: *Tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng*** (13 phút)  ***Mục tiêu:*** Nêu được ứng dụng của định lí Vi- ét trong bài toán tìm hai số biết tổng và tích của chúng, vận dụng công thức giải được các bài toán áp dụng.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi. | | | | |
| -Xét bài toán: Tìm hai số biết tổng của chúng bằngS và tích của chúng bằng P  -Hãy chọn ẩn số và lập pt của bài toán.  PT (1) có nghiệm khi nào?  -Vậy muốn tìm 2 số khi biết tổng và tích của chúng  ta làm như thế nào?  -Giới thiệu ví dụ 1  -Làm bài ?5  Tìm 2 số biết tổng của chúng bằng 1, tích của chúng bằng 5.  -Giới thiệu ví dụ 2  Tính nhẩm nghiệm của pt x2  – 5x + 6 = 0.  Gv nhắc nhở một số sai sót mà Hs hay mắc phải | Gọi số thứ nhất là x thì số kia là S – x.  Tích 2 số bằng P, ta có pt:  x(S – x) = P  hay: x2  – Sx + P = 0 (1)  PT có nghiệm nếu    -Ta lập và giải pt: x2  – Sx + P = 0 để tìm 2 số đó.  -Đọc ví dụ sgk.  -Cả lớp làm bài, 1 HS lên bảng trình bày.  -Theo dõi cách giải. | | | 2/ Tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng:  Nếu 2 số có tổng bằng S và tích bằng P thì 2 số đó là 2 nghiệm của pt  x2  – Sx + P = 0  Điều kiện để có 2 số đó là  Áp dụng:  Ví dụ 1: (sgk)  Hai số cần tìm là 2 nghiệm của pt x2 – x + 5 = 0  Ta có: = (- 1)2 – 4.1.5  = 1– 20 = – 19< 0  Vậy không có 2 số nào thỏa mãn d0iều kiện bài toán.  Ví dụ 2: (sgk)  Vì x1 + x2 = 5 = 2 + 3;  x1 .x2  = 6 = 2 .3  Suy ra: x1 = 2; x2 = 3 là nghiệm của pt đã cho. |
| **Hoạt động 3: *Luyện tập*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học để giải bài tập 25, 26 sgk.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Đặt câu hỏi, hoàn tất một nhiệm vụ. | | | | |
| *? Phát biểu hệ thức Vi-ét.*  *? Viết công thức của hệ thức Vi-ét.*  Làm bài tập 25,26 SGK tr45  Gv nhấn mạnh lại công thức và chú ý cách xác định hệ số a, b, c của PT, cách tìm nghiệm nhanh và chốt kiến thức toàn bài | Hs trả lời  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài | | **Bài 25**  a)  ;  b)  ;  **Bài 26**  a) PT 35x2  – 37x + 2 = 0  c) PT x2 – 49x – 50 = 0.  Có: a + b + c = 35 – 37 + 2 = 0  Có: a – b + c = 1 + 49 – 50 = 0  PT có 2 nghiệm: x1 = 1; x2 =  c) PT x2 – 49x – 50 = 0.  Có: a – b + c = 1 + 49 – 50 = 0  PT có 2 nghiệm: x1 = – 1; x2 = 50 | |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút |  | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Thuộc hệ thức Vi-é và công thức của hệ thức Vi-ét.  - Làm bài tập 27, 28 SGK  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau luyện tập | | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 60: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng định lí Vi-ét và ứng dụng để tìm nghiệm của phương trình bậc 2.

- Nhẩm được nghiệm trong trường hợp a + b + c = 0 và a - b + c = 0

- Tìm được 2 số biết tổng và tích của chúng

- Lập phương trình biết 2 nghiệm của nó.

**2. Kĩ năng:**

- Có kỹ năng nhẩm nghiệm trong trường hợp a + b + c = 0 và a - b + c = 0

- Biết tìm 2 số biết tổng và tích của chúng

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động: *Luyện tập***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học, trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm bài 29 sgk, vận dụng làm bài 30, 31, 32 sgk.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Đặt câu hỏi, chia nhóm, hoàn tất một nhiệm vụ. | | |
| Gv yêu cầu Hs làm bài 29 SGK  Không giải pt, hãy tính tổng và tích các nghiệm (nếu có) của mỗi pt sau:  a) 4x2 + 2x – 5 = 0  b) 9 x2  – 12x + 4 = 0  c) 5 x2 + x + 2 = 0  d) 159x2 – 2x – 1 = 0  Gọi 4 Hs lên bảng chữa và yêu cầu cả lớp làm vào vở  Gv gọi Hs nhận xét bài trên bảng  Gv có thể cho điểm để động viên rồi chốt kiến thức  Bài 30 SGK  -Tìm giá trị của m để pt có nghiệm, rồi tính tổng và tích theo m.  a) x2  – 2x + m = 0  b) x2 + 2(m – 1)x + m2 = 0  Gợi ý: phương trình bậc hai có nghiệm khi nào? Để tìm m cho pt có nghiệm ta làm thế nào?  Gv chữa mẫu câu a, câu b yêu cầu Hs trao đổi nhóm đôi làm bài  (Cho 1 nhóm làm trên bảng phụ)  Gv cùng Hs chữa bài và chốt kiến thức  Gv yêu cầu hs làm bài 31 SGK  Nhẩm nghiệm của PT  a)1,5x2–1,6 x+0,1= 0  b)x2 – (1–)x  –1 = 0  c)(2–)x2 + 2x – ( 2 + ) = 0.  d)(m–1)x2–(2m+3)x + m + 4 = 0  Với m ? 1  Gv yêu cầu Hs HĐN, mỗi dãy chia thành 2 nhóm và làm cùng 1 câu  Gv chữa bài các nhóm nhanh nhất  Gv chốt kiến thức thông qua một số lỗi sai của Hs hay mắc phải  Bài 32 SGK  -Hướng dẫn HS phân tích  +Đặt a làm nhân tử chung  +Áp dụng đl Vi-ét phân tích tiếp.  Gv gọi Hs nhận xét  *? Có cách nào khác để giải không?*  Gv HD PP tách  Ta có: ax2 + bx + c  = a[x2 – (–)x + ]  = a[x2 – (x1 + x2)x + x1x2]  = a[(x2 – x1x)–(x2x – x1x2)]  = a(x – x1)(x – x2).  Gv chốt kiến thức toàn bài | Hs đọc yêu cầu bài toán  4 em đồng thời lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở  Hs dưới lớp nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở  Hs đọc bài  Hs chú ý lắng nghe và trả lời  Hs quan sát và chủ động HĐN đôi, tự giác làm bài  HS đọc yêu cầu bài toans  -Hoạt động theo nhóm  Hs cúng Gv nhận xét bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện vở ghi  -Thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV.  -2HS lên bảng làm bài, cả lớp cùng làm vào vở.  Hs nhận xét  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe | ***1.Tính tổng và tích hai nghiệm của pt bậc hai một ẩn*** (20 phút)  **Bài 29**  a) 4x2 + 2x - 5 = 0  Ta thấy a, c trái dấu ⇒ pt có 2 nghiệm phân biệt:    b) 9x2 - 12 + 4 = 0  Δ' = (-6)2 = 9. 4  = 36 - 36 = 0  ⇒ pt có nghiệm kép    c) 5x2 + x + 2 = 0  Δ = b2 - 4ac = 1- 40 = -39 < 0  → phương trình vô nghiệm.  d) 159x2 - 2x - 1 = 0  Vì a, c trái dấu ⇒ phương trình có 2 nghiệm phân biệt:    **Bài 30**  a) x2 - 2x + m = 0  Δ' = b'2 - ac = (-1)2 - m = 1 -3  để phương trình có nghiệm thì Δ' ≥ 0  ⇔ 1 - m ≥ 0 ⇔ - m ≥ -1 ⇔ m ≤ 1.  Ta có tổng và tích của các nghiệm:    b) x2 + 2(m - 1)x + m2 = 0  Δ' = (m - 1)2 - m2  = m2 - 2m + 1 - m2  = 1 - 2m  Để phương trình có nghiệm thì Δ' ≥ 0      ***2. Nhẩm nghiệm của phương trình***  **Bài 31** (10 phút)  a)Ta có: a + b + c  = 1,5 – 1,6 + 0,1 = 0  ⇒ x1 = 1; x2 =  b)Ta có: a – b + c  =  + 1 –  – 1 = 0.  ⇒ x1 = – 1; x2 = =  c)Ta có: a + b + c  = 2–  + 2 –2 – = 0  ⇒ x1 = 1; x2 =  d)Ta có: a + b + c  = m – 1 –2m – 3 + m + 4 = 0  ⇒ x1 = –1 ; x2 =  ***3.Tìm hai số biết tổng và tích***  **Bài 32** (13 phút)  a) u + v = 42; uv = 441  u, v là 2 nghiệm của phương trình:  x2 - 42x + 441 = 0  Δ' = (-21)2 - 441 = 441 - 441 = 0  ⇒pt có nghiệm kép    Vậy u = v = 21  c) u - v = 5; u.v = 24  Đặt -v = t ta có: u + t = 5; u.t = -24  u, t là 2 nghiệm của phương trình:  x2 - 5x - 24 = 0  Δ= (-5)2 - 4.1(-24) = 25 + 96 = 121 > 0    pt có 2 nghiệm phân biệt:    Vậy u = 8; t = -3 ⇒ u = 8; v = 3  hoặc u = -3; t = 3 ⇒ u = -3; v = -8. |
| **Hoạt động 2*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (1ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Đọc lại bài và học bài, xem và làm lại các dạng bài tập đã giải.  - Làm bài 37 đến 42 SBT  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết. |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 61*:* KIỂM TRA CHƯƠNG IV**

**I. Mục tiêu**:

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá khả năng nhận thức các kiến thức của chương IV của Hs về: đồ thị hàm số y=ax2, phương trình bậc hai, định lí Viét.

- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức về: vẽ đồ thị hàm số y=ax2, giải phương trình bậc hai, vận dụng định lí Viét vào giải bài tập.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng thành thạo, linh hoạt kiến thức đã học để làm bài tập.

**3. Thái độ:**

- HS tự giác, độc lập, nghiêm túc, cẩn thận khi làm bài.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị :**

- GV: Đề kiểm tra (Phô tô)

- HS: Ôn bài.

**III. Tiến trình dạy học :**

***Ma trận kiểm tra***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng điểm** |
| ***Trắc nghiệm*** | ***Tự luận*** | ***Trắc nghiệm*** | ***Tự luận*** | ***Trắc nghiệm*** | ***Tự luận*** |
| **Đồ thị hs y=ax2** | 1  0,5 |  |  | 1  1,5 |  | 1  0,5 | 3  2,5 |
| **Giải pt bậc hai** | 2  1 | 2  2 |  | 2  2 |  | 2  1,5 | 8  6,5 |
| **Định lí Viét** | 1  0,5 |  |  |  |  | 1  0,5 | 2  1 |
| ***Tổng điểm*** | 4  2 | 2  2 |  | 3  3,5 |  | 4  2,5 | **13**  **10** |

***Đề bài***

**I. Phần trắc nghiệm khách quan:(2điểm)** ***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước kết quả đúng***

**Câu1:** Hàm số  là:

A. Luôn nghịch biến C. Giá trị của hàm số bao giờ cũng âm

B. Luôn đồng biến D. Nghịch biến khi x>0 và đồng biến khi x<0

**Câu 2**: Phương trình x2 - 5x - 6 = 0 có một nghiệm là:

A. x = 1 B. x = 5 C. x = 6 D. x = -6

**Câu 3**: Biệt thức  của phương trình 4x2 - 6x - 1= 0 là:

A. 5 B.13 C. 52 D. 20

**Câu 4**: Phương trình  có tổng hai nghiệm là:

A.  B.  C.  D. 

**II. Bài tập tự luận:(8 điểm)**

**Bài 1:** Cho hai hàm số y=x2 và y= x+2

a.Vẽ đồ thị các hàm số này trên cùng một mặt phẳng tọa độ

b.Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị đó

**Bài 2** : Giải các phương trình sau :

a. 2x2- 5x +1 =0 b. -3x2+15 = 0 c. 3x2- 4x-4 =0

**Bài 3**: Cho phương trình x2-2(m +3)x + m2+3 =0

a.Với giá trị nào của m thì phương trình có nghiệm x=2

b.Với giá trị nào của m thì phương trình có hai nghiệm phân biệt? Hai nghiệm này có thể trái dấu hay không?Vì sao?

c.Với giá trị nào của m thì phương trình có nghiệm kép?Tìm nghiệm kép đó?

***Phương án chấm***

**I. Phần trắc nghiệm khách quan:(2điểm)**

***Bài 1:(2 điểm):*** Mỗi câu đúng được 0,5 điểm  
 a. D b. C. c. B d. D  
 **II. Bài tập tự luận:(8 điểm)**

**Bài 1(2đ):** Cho hai hàm số y=x2 và y= x+2

a.Vẽ đồ thị các hàm số này trên cùng một mặt phẳng tọa độ

+Vẽ đồ thị hs y=ax2 được 1 đ

+ Vẽ đồ thị hs y = x+2 được 0,5 đ

b. Tìm y= -1 và y= 2 (0,25đ)

Tìm được x = 1 và x=4 => hai giao điểm có tọa độ là : (1 ;-1) và (4,2)

**Bài 2(3đ)** Mỗi câu đúng được 1 điểm

a.Phương trình có hai nghiệm: x1=và x2=

b.Phương trình có hai nghiệm: x1=  và x2= -

c.Phương trình có hai nghiệm: x1=và x2=

**Bài 3**: Cho phương trình x2-2(m +3)x + m2+3 =0

1. Thay x =2 vào pt có: m2- 4m -5 =0

Giải pt tìm được m1= -1, m2 = 5 (1đ)

1. Tính = 6m+6 (0,5đ)

Pt có hai nghiệm phân biệt khi >0 <=> 6m+6 >0 <=> m > -1 (0,5đ)

Vì a=1, c= m2 +3 => a.c = m2+3 >0

=> pt không thể có hai nghiệm trái dấu (0,5đ)

1. Pt có nghiệm kép khi = 0 <=> 6m +6 =0 <=> m= -1

Với m =-1thì pt có nghiệm kép x1= x2= m+3= -1+3 = 2 (0,5đ)

**Hướng dẫn về nhà**:( 1 phút)

- Nắm chắc kiến thức và các dạng bài tập của chương IV

- Xem lại các bước giải phương trình chứa ẩn ở mẫu đã học ở lớp 8

- Xem trước bài : Phương trình quy về phương trình bậc hai

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 62: PHƯƠNG TRÌNH QUY VỀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Giải được một số dạng phương trình được quy về phương trình bậc hai như: Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức, một vài phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ ẩn phụ, phương trình trùng phương.

- Lưu ý khi giải phương trình chứa ẩn ở mẫu phải tìm điều kiện của ẩn và khi tìm được giá trị của ẩn thì phải kiểm tra xem giá trị đó có thỏa mãn điều kiện không rồi mới kết luận nghiệm.

**2. Kĩ năng:**

- Có kỹ năng giải tốt phương trình tích và có kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử.

**3. Thái độ:**

- Chú ý quan sát, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, mong muốn vận dụng.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Phương trình trùng phương*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Nêu được dạng phương trình trùng phương, nêu được cách giải phương trình trùng phương.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Động não, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi. | | | | |
| -Giới thiệu phương trình trùng phương có dạng:  ax4 + bx2 + c = 0 (a ? 0)  Ví dụ: x4 – 13x2 + 36 = 0  -Làm thế nào để có thể giải được PTTP?  -Hướng dẫn cách giải  -Sau khi HS giải xong pt ẩn t, GV hướng dẫn tiếp  -Lưu ý điều kiện của t.  -Làm bài ?1  a)4x4 + x2 – 5 = 0  b)3x4 + 4x2 + 1 = 0.  GV chốt kiến thức. | -Lấy vài ví dụ về pt trùng phương.  2x4 – 3x2 + 1 = 0  5x4 – 16 = 0  4x4 + x2 = 0  -Đặt x2 = t  -Theo dõi và thực hiện  -Thực hiện theo nhóm  Mỗi dãy làm 1 câu | | **1/ Phương trình trùng phương**  Phương trình trùng phương  là phương trình có dạng:  ax4 + bx2 + c = 0 (a  0)  Ví dụ: Giải pt: x4 – 13x2 + 36 = 0  Đặt x2 = t (t ≥ 0), ta được pt  t2 –13t +36 = 0  Δ =169 –144 = 25  t1 = 9; t2 = 4  •Với t = t1 = 9 ta có x2 = 9.  ⇒ x1 = -3; x2 = 3  •Với t = t2 = 4 ta có x2 = 4.  ⇒ x1 = -2; x2 = 2  Vậy pt có 4 nghiệm: x1 =3; x2 = -3; x3 = -2; x4 = 2. | |
| **Hoạt động 2: *Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** HS nhận biết được phương trình chứa ẩn ở mẫu thức, giải được một số phương trình đơn giản.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Chia nhóm, hoàn tất một nhiệm vụ. | | | | |
| -Hãy nhắc lại các bước giải pt chứa ẩn ở mẫu  -Làm ?2 Giải pt:    -Sau khi HS thực hiện xong, treo bảng của các nhóm để cả lớp cùng theo dõi.  Gv chốt kiến thức | -Trả lời 4 bước  -Thảo luận nhóm và thực hiện trên phiếu học tập  +Điều kiện:  +Khử mẫu và biến đổi  -Nhận xét, sửa chữa, bổ sung | | **2/** **Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức**  Ví dụ 1:  Giải pt:  ĐK: x  –3; 3  x2 –3x + 6 = x + 3  ⇔ x2 – 4x + 3 = 0(\*)  Nghiệm của pt(\*) là:  x1 = 1(TMĐK); x2 = 3  Vậy nghiệm của pt là x = 1 | |
| **Hoạt động 3: *Phương trình tích*** (11 phút)  ***Mục tiêu:*** HS nhận biết và giải được phương trình tích.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ. | | | | |
| -Cho HS đọc ví dụ sgk  *? Một tích bằng 0 khi nào?*  - yêu cầu Hs làm ?3  Gv chốt kiến thức | -Đọc ví dụ 2  Giải pt:  x3 + 3x2 + 2x = 0  ⇔ x(x2 + 3x + 2) = 0 ⇔ x = 0 hoặc  x2 + 3x + 2 = 0  Vậy pt có 3 nghiệm  x1 = 0; x2 = –1; x3 =–2. | | **3/ Phương trình tích**  Ví dụ 2: (sgk)  (x + 1)(x2 + 2x – 3) = 0  ⇔ x + 1 = 0 hoặc x2 + 2x – 3 = 0  Vậy pt có 3 nghiệm là:  x1 = –1; x2 = 1; x3 = –3. | |
| **Hoạt động 4: *Luyện tập*** (9 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức để giải bài tập 34, 35 sgk.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Đặt câu hỏi, hoàn tất một nhiệm vụ. | | | | |
| *? Nêu cách giải phương trình trùng phương.*  *? Khi giải phương trình chứa ẩn ở mẫu thức cần lưu ý các bước nào?*  *? Ta có thể giải các phương trình bậc cao bằng cách nào?*  Làm bài tập 34 SGK và bài 35 (Nếu còn thời gian)  Gv chốt kiến thức toàn bài | Hs trả lời  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở | | **Bài 34**  a) x4 – 5x2 + 4 = 0  Đặt x2 = t (t ≥ 0) ta có: t2 – 5t + 4 = 0 ⇒ t1 = 1; t2 = 4  Phương trình có 4 nghiệm là:  x1 = –1; x2 = 1; x3 = –2; x4 = 2.  b) 2x4 –3x2 –2 = 0  Đặt x2 = t (t ≥ 0) ta có: 2t2 – 3t – 2 = 0 ⇒ t1 = 2; t2 = – (loại)  Phương trình có 2 nghiệm là:  x1 = –; x2 =  c) t1 = –(loại); t2 = –3 (loại)  Phương trình vô nghiệm  **Bài 35**  a) ;  b) x1 = 4; x2 =  .c) x = –3 | |
| **Hoạt động 5*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | | - HS trình bày trong 1 phút | |  |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Xem các bài giải mẫu  - Làm bài tập 36 đến 38 SGK tr56.  **Bài mới**  - Tiết sau luyện tập. |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 63: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Thành thạo giải các phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích và phương trình trùng phương.

- Giải được các bài tập Gv yêu cầu

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng thành thạo và linh hoạt kiến thức để giải bài tập.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, mong muốn vận dụng

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của HS** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1. Luyện tập (42 phút)**  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được lí thuyết bài cũ để điền vào chỗ ...  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | | |
| Nêu cách giải pt?  Tính biệt thức đenta  GV chốt kiến thức | | HS trả lời  1 HS lên bảng trình bày  Cả lớp làm vào vở và so sánh kết quả với bạn. | **Dạng 1: Đưa phương trình về pt bậc 2**  ***BT37***. Giải các pt | | |
| Nêu cách giải pt dạng d  Nêu công thức nghiệm? | | Hs trả lời  1 Hs nêu công thức nghiệm và giải | Phương trình có 2 nghiệm | | |
| Còn cách nào khác để giải pt không?  (Có thể tách  x2 + x - 20 = 0  = x2 + 5x - 4x - 20 = 0) | |  | (điều kiện x ≠ ±3)    Δ = 1 + 80 = 81 > 0      Phương trình có 2 nghiệm. | | |
|  | |  |
| Nêu phương pháp giải pt bài 38 | | Hs trả lời: Đưa về pt tích | ***Bài 38.*** Giải phương trình bằng cách đưa về pt tích | | |
| Tính biệt thức đenta và tìm nghiệm của pt  GV hướng dẫn câu d | | Hs làm việc theo nhóm, trình bày và nhận xét chéo nhóm. | Phương trình có 4 nghiệm. | | |
| Có thể tách  2x2 + x - 10 = 0  ⇔ 2x2 + 5x - 4x - 10 = 0 | | Hs hoàn thiện bài vào vở theo hướng dẫn của GV |  | | |
|  | |  | Giải (2):    Giải (3): 2x2 + x - 10 = 0    Phương trình có 5 nghiệm. | | |
|  | |  |
| Nêu phương pháp giải pt trùng phương  Có điều kiện gì của t? | | HS trả lời  HS trả lời. | ***Bài 39***. Giải phương trình trùng phương  a) 9x4 - 10x2 + 1 = 0  Đặt x2 = t (đk t ≥ 0)  ta có:    (TMĐK) | | |
| GV lưu ý HS đối chiếu điều kiện | | HS hoàn thiện bài làm | Với t = 1 ta có x2 = 1 ⇒ x = ±1  ta có  Vậy phương trình có 4 nghiệm:  x1 = 1; x2 = -1;  (điều kiện x ≠ 0) | | |
| Nêu phương pháp giải cho bài toán dạng d ? | | HS trả lời | đặt x2 = t (đt t ≥ 0) ta có  2t2 + 5t - 1 =0  Δ 25 + 8 = 33 > 0 | | |
|  | |  | (TMĐK)  (loại) | | |
|  | |  | Với  ta có: | | |
|  | |  |  | | |
| **Hoạt động 2*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (2ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | | | **Bài cũ**  - - Xem lại bài tập đã chữa  - Hoàn thiện các bài tập SGK  - Xem lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình đã học ở lớp 8  **Bài mới**  - Đọc trước bài "Giải bài toán bằng cách lập phương trình" |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 64: GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Nêu được các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.

- Vận dụng được các bước để giải một số bài toán.

**2. Kĩ năng:**

- Lập luận, trình bày bài giải khoa học, ngắn gọn, cẩn thận, chính xác.

- Vận dụng linh hoạt kiến thức giải bài tập.

**3. Thái độ:**

- Chú ý quan sát, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, mong muốn được vận dụng.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bài giảng điện tử, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*8 phút*).

? Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình đã học ở lớp 8?

? Giải phương trình

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Ví dụ*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Nhận biết được dạng toán năng suất, nêu được các bước thực hiện bài toán, lập bảng phân tích và giải bài toán.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | |
| -Đưa ví dụ 1 lên màn hình  -Hãy cho biết bài toán này thuộc dạng nào?  -Lập bảng phân tích   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Số áo may 1 ngày | Số ngày | Số áo may | | Kế hoạch | x |  | 3000 | | Thực hiện | x + 6 |  | 2650 |   Yêu cầu Hs chữa bài  ? Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập PT?  Gv chốt kiến thức về toán năng suất và một số lưu ý khi làm dạng toán này | -Nêu 3 bước thực hiện  -Đọc đề bài  -Dạng năng suất  -ĐK: x nguyên, dương  -Hs lên bảng chữa bài  Hs dưới lớp nhận xét  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi vở | | **1.Ví dụ**  *Dạng toán năng suất*  Gọi số áo phải may trong 1 ngày theo kế hoạch là x (x **N**, x > 0).  -Thời gian dự định là (ngày)  -Số áo thực tế may trong 1 ngày là x + 6 (áo)  -Thời gian thực hiện là (ngày)  Ta có pt: – 5 =  Giải phương trình ta được  x1 = 100 (TMĐK)  x2 = –36 (loại)  *Vậy:* theo kế hoạch, mỗi ngày xưởng phải may xong 100 áo. |
| **Hoạt động 2: *Áp dụng*** (23 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được các bước giải để giải bài toán có nội dung hình học và dạng toán chuyển động.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | |
| Gv cho Hs HĐN đôi làm ?1  Gv quan sát các nhóm làm bài  Đối chiếu bài trên máy chiếu và nhận xét giữa các nhóm  ? Có cách chọn ẩn nào khác không?  Gv chốt cách làm dạng toán  Gv đưa đề bài lên màn hình  *Khoảng cách từ căn cứ quân sự Cam Ranh đến Trường Sa lớn ( thuộc quần đảo Trường Sa) là 270 hải lý. Một máy bay tiêm kích đa năng bay từ Cam Ranh đến Đảo Trường Sa lớn và sau đó quay về với vận tốc nhỏ hơn vận tốc lúc đi là 500 km/h. Hỏi vận tốc của máy bay lúc đi biết thời gian về nhiều hơn*  Gọi Hs đọc bài  Yêu cầu Hs lập bảng phân tích và HĐN làm bài  Gv nhận xét nhóm nhanh nhất và chốt kiến thức  Gv giới thiệu cho Hs về quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa Việt Nam và những thông tin ý nghĩa về hai quần đảo này | -Hoạt động theo nhóm  Hs nhận xét  Gọi chiều dài của mảnh đất là x(m), ĐK: x > 4.  Chiều rộng của mảnh đất là x – 4(m)  Hs đọc bài    Hs cùng Gv lập bảng phân tích  Hs HĐN làm bài  Hs cùng Gv chữa bài  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện vào vở  Hs chú ý theo dõi | | **2. Áp dụng**  *Dạng toán có nội dung hình học*  Gọi chiều rộng của mảnh đất là x(m), ĐK: x > 0.  Chiều dài của mảnh đất là x + 4(m)  Diện tích của mảnh đất là x(x + 4) (m2)  Ta có pt: x(x + 4) = 320  ⇔ x2 + 4x – 320 = 0  = 4 +320 = 324  ⇒  =  x1 = –2 + 18 = 16;  x2 = –2 – 18 = –20 (loại)  Vậy chiều rộng của mảnh đất là 16(m) và chiều dài của mảnh đất là 20(m).  *Dạng toán chuyển động*  1 hải lý = 1.852km  270 hải lý = 270.1,852 km  500km    Gọi vận tốc lúc đi của máy bay là x (km/h, x > 500)  => Thời gian máy bay đi là  (h)  Vận tốc lúc máy bay về là x – 500 (km/h)  => Thời gian máy bay về là  (h)  Theo bài ra ta có PT  -  =  Giải ra tìm được  x1 = 2000 (tm)  x2 = -1500 (Loại)  Vậy vận tốc của máy bay lúc đi là: 2000(km/h) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút |  |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Ôn lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Làm bài tập 41, 42, 43 sgk.  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau luyện tập |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 65: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Có kĩ năng lập được bảng phân tích, biểu diễn các đại lượng trong bài toán theo ẩn số đã cho và các đại lượng đã biết

- Áp dụng đủ các bước giải để giải hoàn thiện bài toán bằng cách lập phương trình

- Vận dụng giải một số dạng toán cơ bản, không quá phức tạp .

**2. Kĩ năng:**

- Làm được bài toán thực tế để thấy rõ toán học bắt nguồn từ thực tế cuộc sống và lại quay trở lại phục vụ thực tế.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, bài giảng điện tử, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | | Kiến thức cần đạt | |
| ***Hoạt động 1. Luyện tập (43 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được các bước giải để giải bài toán có nội dung hình học và dạng toán chuyển động, dạng toán năng suất.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não, hoạt động nhóm. | | | | |
| \*BT59:  Cho hs tìm hiểu đề bài.  -Gọi vận tốc của xuồng khi nước yên lặng là x (km/h), ĐK: ?  -Nhận xét?  vxuôi = ?, vngược  = ?  txuôi = ?  tngược = ?  tyên lạng?  -tổng thời gian là?  pt?  Nhận xét?  Gọi 1 hs lên bảng giải pt, chọn nghiệm TM.  Kl?  \*BT46:  Cho hs nghiên cứu đề bài.  -Chọn ẩn? ĐK ẩn?  -Nhận xét?  Chiều dài khu vườn?  -Sau khi tăng, chiều dài? chiều rộng?  Pt?  -Giải pt?  KL?  Gv nhận xét, bổ sung nếu cần.    \*BT49:  Cho hs tìm hiểu đề bài.  Cho hs thảo luận theo nhóm.  Kiểm tra sự thảo luận của hs.  Nhận xét?  Gv nhận xét, bổ sung nếu cần. | HS đọc và phân tích đề bài  HS lên bảng làm bài  HS nhận xét  HS phân tích đề bài  HS trả lời  HS thảo luận đề bài theo nhóm  Hs nhận xét chéo nhóm | | **I.Chữa bài tập**  Bài 45 (sgk)  **II .Luyện tập**  **\*Bài 59 tr 47 sbt.**  Gọi vận tốc của xuồng khi nước yên lặng là x (km/h), ĐK: x > 3.  vận tốc của xuồng khi đi xuôi dòng là x + 3 (km/h)  Vận tốc của xuồng khi đi ngược dòng là x – 3 (km/h)  Thời gian đi xuôi dòng 30 km là  (h).  Thời gian đi ngược dòng 28 km là  (h)  Thời gian đi 59,5 km khi nước yên lặng là (h)  Vì tổng thời gian đi xuôi và ngược bằng thời gian đi khi nước yên lặng nên ta có pt:  +  =  Giải pt ta được x1 = 17 TM, x2 = -21 loại.  KL: vận tốc của xuồng khi nước yên lặng là 17 km/h.  **\*Bài 46 tr 59 sgk.**  Gọi chiều rộng mảnh đất là x m. ĐK x > 0.  Vì diện tích mảnh đất là 240 m2 nên chiều dài là  m.  Nếu tăng chiều rộng lên 3m và giảm chiều dài 4m thì diện tích không đổi nên ta có pt:    Giải pt ta được x1 = 12 TM, x2 = - 15 loại.  KL: chiều rộng mảnh vườn là 12 m. Chiều dài mảnh vườn là 20m.  **\*Bài 49 tr 59 sgk.**  Gọi thời gian đội 1 làm 1 mình hoàn thành C.V là x ngày, ĐK: x >4.  thời gian đội 2 làm 1 mình xong CV trong x + 6 ngày.  Mỗi ngày đội 1 làm được  (C.V), đội 2 làm được  (CV)  Mỗi ngày cả hai đội làm được  (C.V)  Vậy ta có pt:  +  =  Giải pt ta được x1 = - 4 Loại, x2 = 6 TMĐK.  Vậy nếu làm một mình thì đội 1 làm xong CV trong 6 ngày, đội 2 làm xong CV trong 12 ngày. | |
| **Hoạt động 2*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (1ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Ôn lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Làm bài tập 41, 42, 43 sgk.  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau luyện tập |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 66: ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Có kĩ năng lập được bảng phân tích, biểu diễn các đại lượng trong bài toán theo ẩn số đã cho và các đại lượng đã biết

- Áp dụng đủ các bước giải để giải hoàn thiện bài toán bằng cách lập phương trình

- Vận dụng giải một số dạng toán cơ bản, không quá phức tạp .

**2. Kĩ năng:**

- Làm được bài toán thực tế để thấy rõ toán học bắt nguồn từ thực tế cuộc sống và lại quay trở lại phục vụ thực tế.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bài giảng điện tử, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, ôn bài.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Ôn tập lí thuyết*** (12 phút)  ***Mục tiêu:*** Hệ thống kiến thức toàn chương.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | |
| Gv đưa bảng tóm tắt nội dung kiến thức trọn tâm cần nhớ của chương IV lên màn hình dưới dạng sơ đồ tư duy  ? Hàm số y = ax2 có đặc điểm gì  Gv chiếu slide 3 và chốt kiến thức  ? Nêu công thức nghiệm của phương trình bậc 2  ax2 + bx + c = 0 (a ≠ 0) (1)  Gv chiếu slide 4 và chốt kiến thức (Nhấn mạnh công thức nghiệm thu gọn)  Chú ý Hs trường hợp tích ac < 0 PT (1) có hai nghiệm phân biệt  ? Nêu hệ thức Vi-et của  phương trình bậc 2  Gv chiếu slide 5 và nhấn mạnh hệ thức Vi – ét chỉ áp dụng với trường hợp PT bậc hai có nghiệm  ? Nêu điều kiện để PT (1) có nghiệm bằng 1, tìm nghiệm kia.  ? Nêu điều kiện để pt có 1 nghiệm bằng – 1 tìm nghiệm kia.  Gv chốt kiến thức trọng tâm của chương | Hs chú ý quan sát và lắng nghe  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs trả lời | + Nếu a > 0 hàm số đồng biến khi x > 0, nghịch biến khi x < 0  x = 0 thì hàm số đạt giá trị nhỏ nhất  + Nếu a < 0 hàm số nghịch biến khi x > 0, đồng biến khi x > 0.  x = 0 thì hàm số đạt giá trị lớn nhất  + Phương trình ax2 + bx + c=0(a**≠**0)  = b2 - 4ac (’ = b’2 – ac)  \* < 0: pt vô nghiệm  \* = 0: pt có nghiệm kép  \* > 0: pt có 2 nghiệm phân biệt  ;  + Hệ thức Vi-ét:  Nếu x1 và x2 là 2 nghiệm của pt  ax2 + bx + c = 0 (a **≠** 0) thì  - Nếu a + b + c = 0 thì x1 =1; x2 =  -Nếu a – b+ c=0 thì x1 = –1; x2 =– |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập***(30 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não, hoạt động nhóm | | |
| Gv chiếu bài tập lên màn hình  **Bài tập 1: Chọn câu sai trong các câu sau:**  A: Hàm số y = -2x2 có đồ thị là 1 parabol quay bề lõm xuống dưới.  B: Hàm số y = -2x2 đồng biến khi x < 0, nghịch biến khi x > 0.  C: Hàm số y =5x2 đồng biến khi x > 0, nghịch biến khi x < 0.  D: Hàm số y = 5x2 có đồ thị là 1 parabol quay bề lõm lên trên.  E: Đồ thị hàm số y = ax2 (a≠0) là parabol có đỉnh tại O, nhận Ox làm trục đối xứng.  GV chốt kết quả.  **Bài tập 2**:  a) Vẽ hai đồ thị y = x2 và y = x +2 trên cùng một hệ trục tọa độ  b) Tìm hoành độ giao điểm của hai đồ thị trên.  Gv chốt kiến thức dạng toán  Gv yêu cầu Hs nêu cách giải PT trùng phương và PT chứa ẩn ở mẫu  Gv chốt kiến thức thong qua một số lỗi sai Hs hay mắc phải trong quá trình làm bài dạng toán này  Bài 62/ SGK  Bài 62/ SGK  Gv gọi 1 Hs lên bảng chữa câu a  Gọi Hs khác nhận xét  Gv cho Hs HĐN làm câu b trong 3 phút  Gv chữa bài nhóm nhanh nhất  Gv chốt kiến thức  Gv gọi Hs đọc bài 65/SGK  *? Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập PT?*  HD Hs làm bài (Lập bảng phân tích và đưa ra PT)  Yêu cầu về nhà Hs hoàn thành bài | 1 HS đọc to yêu cầu của đề bài.  HS thảo luận theo bàn  HS nhận xét chéo  1 hs lên bảng chữa câu a, một Hs chữa câu b  Cả lớp làm bài vào vở  Hs làm bài theo yêu cầu của Gv  Hs nhận xét. Sau đó đánh giá và cho điểm  2 hs lên bảng chữa bài 56/a và 57/c SGK  (Cả lớp làm vào vở)  Hs nhận xét  HS lên bảng chữa  HS nhận xét bài của bạn  Hoạt động nhóm  HS nhận xét chéo  HS đứng tại chỗ phân tích đề bài và nêu cách làm | ***Dạng 1: Đồ thị hàm số y =ax2(a≠ 0)***  **Bài tập 1:** E  **Bài tập 2:**   1. vẽ đồ thị  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 | | y=x2 | 4 | 1 | 0 | 1 | 4 | | y=x+2 | 0 |  | 2 |  |  |   => Đường thẳng đi qua hai điểm  (-2;0) và (0;2) là đồ thị hàm số y=x+2  b) Phương trình hoành độ giao điểm  x2 = x + 2  ⬄ x2 – x – 2 = 0  Ta có a – b + c = 1 – (-1) + 2 = 0  Phương trình có nghiệm x1 = -1; x2 = 2  Vậy giao điểm là (2; 4) và (-1; 1)  ***Dạng 2: Giải phương trình quy về phương trình bậc 2***  ***Bài 56/a***  Phương trình 3x4 -12x2 + 9 = 0  Đặt x2 = y (ĐK y ≥ 0)   1. ⬄ 3y2 -12y + 9 = 0   Ta có a + b + c = 3 + (-12) + 9 = 0  PT có hai nghiệm y­1= 1; y2 = 3  Với y1=1, ta có x2 =1 =>x= ±1  Với y2=3, ta có x2 =3 => x =  Phương trình có 4 nghiệm:  x1 = 1; x2= -1; x3 =  ; x4= -  ***Bài 57/c***  ĐK: x ≠0; x ≠2  PT có 2 nghiệm phân biệt:  ***Dạng 3: Vận dụng hệ thức Vi - ét***  **Bài 62**  ***Dạng 3: Vận dụng hệ thức Vi - ét***  **Bài 62** (11 phút)  Phương trình 7x2 + 2(m-1)x - m2 = 0  a. Ta có  ⇒ pt luôn có nghiệm ∀m  b. Gọi x1, x2 là 2 nghiệm của phương trình  Ta có: |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (2ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút |  |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Ôn tập lại hệ thống kiến thức chương 4 SGK tr61 + 62  - Xem lại các bài tập đã chữa  - Làm hoàn thiện bài 56, 57, 61, 64, 65 SGK  **Bài mới**  - Ôn tập kiến thức chuẩn bị bài cho tiết sau: Ôn tập học kì 2. |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 67: ÔN TẬP HỌC KÌ 2**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Nhắc lại được các kiến thức về căn bậc hai và vận dụng các kiến thức này để giải một số bài tập

**2. Kĩ năng:**

- Thành thạo kĩ năng về rút gọn, biến đổi biểu thức, tính giá trị của biểu thức và một vài dạng câu hỏi nâng cao trên cơ sở rút gọn biểu thức chứa căn.

**3. Thái độ:**

- Chăm chỉ làm bài, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, PHT, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, làm đề cương ôn tập.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của HS** | | | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết(5 phút)***  ***Mục tiêu:*** Nhắc lại được các kiến thức về căn bậc hai, căn bậc ba.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | |
| GV : Nêu câu hỏi  -Trong tập **R** các số thực, những số nào có căn bậc hai, căn bậc ba?  Nêu cụ thể với số dương, số 0 và số âm | Hs trả lời  biểu thức chứa căn bậc hai  2.Căn bậc ba: | | | 1. Căn bậc hai  •Số ≥ 0 có căn bậc hai  +Mỗi số dương có 2 căn bậc hai là 2 số đối nhau  +Số 0 có 1 căn bậc hai là 0  +Số âm không có căn bậc hai.  + Các phép biến đổi đơn giản  •Mọi số thực đều có căn bậc ba |
| ***Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức thông qua bài tập trắc nghiệm(7 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức trả lời các bài tập trắc nghiệm  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ. | | | | |
| GV sử dụng bảng phụ  **Bài 1**: Chọn chữ cái đứng trước kết quả đúng:  1/ Giá trị của biểu thức :  (A).  (B). 4  (C).  (D).  2/ Giá trị của biểu thức  bằng:  (A). –1 (B).  (C).  (D). 2  3/ Với giá trị nào của x thì  có nghĩa:  (A). x > 1 (B). x ≤ 1  (C). x ≤ 2 (D). x ≥ 1  4/ Với giá trị nào của x thì  không có nghĩa:  (A). x > 0 (B). x = 0  (C). x < 0 (D).vơi mọi x  5/ Giá trị của biểu thứcbằng:  (A).  (B).  (C).1 (D).  Gợi ý: nhân cả tử và mẫu với . | HS suy nghĩ và trả lời nhanh | | | 1/ Chọn (D):  2/ Chọn (B).  3/ Chọn (D). x ≥ 1  4/ Chọn (C). x < 0  5/ Chọn (D). |
| ***Hoạt động 3: Luyện tập(31 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào bài tập rút gọn biểu thức.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | |
| - Đưa đề bài lên màn hình  Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào biến:  Hãy tìm điều kiện để biểu thức xác định rồi rút gọn biểu thức.  -Nhận xét bài làm  **Bài tập bổ sung:**  -Đưa đề bài lên màn hình  Cho biểu thức: P =  a)Rút gọn P  b)Tìm các giá trị của x để P < 0  -Kết hợp điều kiện  c)Tìm các số m để có các giá trị của x thỏa mãn:  P.  = m –  Đặt  = t  Tìm điều kiện của t.  -Để pt ẩn t có nghiệm cần điều kiện gì?  -Hãy xét tổng và tích hai nghiệm khi Δ ≥ 0.  t1 + t2 = – 1 cho ta nhận xét gì?  -Vậy để phương trình có nghiệm dương và khác 1 thì m cần điều kiện gì?  -Kết hợp điều kiện  Gv chốt  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ kiến thức | Bài tập 5:  A =  ĐK: x > 0; x ? 1  A = .  = .  =  = .  Với x > 0; x  1 thì giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào biến.  a) P =  ĐK: x > 0; x  1  P =  P =  =  b) P < 0 ⇔  < 0  ĐK: x > 0; x  1  Với x > 0 ⇒  > 0  Do đó:  < 0 ⇔ x – 1 < 0 ⇔ x < 1.  Với 0 < x < 1 thì P < 0.  c) P.  = m –  ĐK: x > 0; x  1  . = m –  x – 1 = m –  x +  – 1 – m = 0  Ta có pt: t2 + t – 1 – m = 0  ĐK: t > 0; t  1  Δ = 12 – 4(– 1 – m) = 5 + 4m  Δ ≥ 0 ⇔ 5 + 4m ≥ 0 ⇔ m ≥  Theo hệ thức Vi-ét:  t1 + t2 = – 1 ;  t1. t2 = – (1 + m)  Mà: t1 + t2 = – 1 ⇒ phương trình có nghiệm âm  Để pt có nghiệm dương thì t1. t2 = –(1 + m) < 0  ⇒ m + 1 > 0 ⇒ m > – 1  Để nghiệm dương đó khác 1 cần a + b + c  0  hay 1 + 1 – 1 – m  0 ⇒ m  1  Điều kiện của m để có các giá trị của x thỏa mãn:  P.  = m – là m > – 1 và m1. | | | |
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (2ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Xem lại bài tập đã chữa  - Hoàn thiện các bài tập SGK  - Xem lại cách giải phương trình bậc hai.  **Bài mới**  - Giờ sau tiếp tục ôn tập | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

**PHIẾU BÀI TẬP TIẾT 67**

***Bài 1****:* Chọn chữ cái đứng trước kết quả đúng:

1/ Giá trị của biểu thức :

(A).  (B). 4 (C).  (D). 

2/ Giá trị của biểu thức  bằng:

(A). –1 (B).  (C).  (D). 2

3/ Với giá trị nào của x thì  có nghĩa:

(A). x > 1 (B). x ≤ 1 (C). x ≤ 2 (D). x ≥ 1

4/ Với giá trị nào của x thì  không có nghĩa:

(A). x > 0 (B). x = 0 (C). x < 0 (D).vơi mọi x

5/ Giá trị của biểu thứcbằng:

(A).  (B).  (C).1 (D). 

***Bài 2****:* Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào biến:

A = 

***Bài 3****:* Cho biểu thức: P = 

a)Rút gọn P b)Tìm các giá trị của x để P < 0

c)Tìm các số m để có các giá trị của x thỏa mãn: P.  = m – 

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 68: ÔN TẬP HỌC KÌ 2 – Tiếp**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng các kiến thức về hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn để giải một số bài tập có liên quan.

**2. Kĩ năng:**

- Thành thạo kỹ năng giải phương trình và hai hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, PHT, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, làm đề cương ôn tập.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** | | |
| **Hoạt động 1**: Bài tập hệ phương trình  ***Mục tiêu:*** Vận dụng 2 phương pháp giải hệ bậc nhất 2 ẩn để giải hệ phương trình.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | |
| **Hoạt động 1**: Bài tập trắc nghiệm  Chọn B.  Do (x=-2; y=-1) là nghiệm hệ pt  nên | HS chọn đáp án đúng | **Câu 1**: Khoanh câu trả lời đúng: giá trị nào của m và n thì hệ phương trình:    nhận cặp số (-2; -1) là nghiệm?  A.m=2; n=0 B.m= n=0  C.m=; n=1; D.m=;n=1 | | |
|  | HS trả lời câu 2: | **Câu 2**: Điền dấu "x" và ô Đ (đúng), S (sai) tương ứng với các khẳng định sau: | | |
| Các khẳng định | Đ | S |
| a. Hệ pt  có nghiệm duy nhất. |  |  |
| a. Đúng; b. Sai; c. Đúng; d. Đúng | b. Hệ pt  không có nghiệm duy nhất. |  |  |
|  | c. Hệ pt  có nghiệm duy nhất |  |  |
|  | d. Hệ pt có nghiệm duy nhất nếu m≠ -1 |  |  |
|  | **Câu 3**: Xét hệ pt | | | |
| ? Nêu phương pháp giải bài toán | HS trả lời | a. Chứng tỏ rằng với mọi m hệ đều có nghiệm. | | | |
|  |  | b. Tìm m để hệ có nghiệm với điều kiện x>0; y>0. | | | |
|  |  | c. Tìm m để hệ có nghiệm (x; y) thoả mãn điều kiện  Bài làm: | | | |
| ? Giải hệ bằng phương pháp thế | HS lên bảng trình bày | a. Thay (1)' vào (2) ta có: x + m(mx-2)=3 | | | |
|  |  | b. Từ (2)' ta có: | | | |
| ? Nêu phương pháp giải bài toán với điều kiện của ẩn | HS trả lời  1 HS lên bảng trình bày |  | | | |
|  |  | Vậy muốn hệ có nghiệm x>0; y>0 thì | | | |
| ? Nêu 3 bước giải bài toán  GV chốt | Hs trả lời | c. | | | |
|  |  | + ? vấn đáp HS tại chỗ (3 bước…) | | | |
| **Hoạt động 2**: Dạng bài tập giải bài toán bằng cách lập phương trình  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được 4 bước để giải bài toán bằng cách lập phương trình.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | | |  |  |
| + Dạng 1: Bài toán chuyển động  Dạng 2: Bài toán về số và chữ số |  | b. Bài toán về vòi nước: Hai vòi nước cùng chảy vào 1 bể không có nước thì sau 1h20' sẽ đầy. Nếu mở vòi thứ nhất chảy trong 10 phút và vòi thứ hai chảy trong 12 phút thì đầy | | | |
| Dạng 3: Bài toán vòi nước  Dạng 4: Bài toán về tỷ số và quan hệ giữa các số.  Dạng 5: Bài toán về phần trăm- năng suất. | HS nêu các dạng bài toán đã học | bể. Hỏi mỗi vòi chảy một mình thì sau bao lâu mới đầy bể?  **Cách 1**: Thiết lập ẩn thông qua giá trị cần tìm: Gọi x là thời gian để vòi I chảy một mình cho đầy bể (ĐK: ) ⇒ mỗi giờ vòi I chảy được bể. | | | |
| GV vấn đáp học sinh về giá trị của bài toán? Kết luận bài tập. | Hoạt động nhóm:  Nhóm 1: Thiết lập ẩn thông qua giá trị cần tìm | Gọi y là thời gian để vòi II chảy một mình cho đầy bể (đk: ⇒ mỗi giờ vòi II chảy được bể. | | | |
| GV nhận xét, chốt bài toán. | Nhóm 2: Thiết lập ẩn thông qua giá trị trung gian | Đổi 1h20' = (h); 10'=; 12 phút = giờ. | | | |
|  |  | Hai vòi nước cùng chảy vào một bể không có nước thì sau 1h20' sẽ đầy ta được pt:  (1) | | | |
|  |  | Nếu mở vòi thứ nhất chảy trong 10 phút và vòi thứ hai chảy trong 12 phút thì đầy  bể, ta được pt: | | | |
|  |  | (2) | | | |
|  |  | Từ (1), (2) ta có hệ pt: | | | |
|  | Đại diện nhóm lên trình bày bài làm |  | | | |
|  |  | Đặt  khi đó ta có: | | | |
| GV cho HS nhận xét chéo nhóm | HS quan sát và nhận xét, bổ sung | Hệ (I) | | | |
|  |  | (TMĐK) | | | |
|  |  | Vậy: Vòi I chảy một mình đầy bể trong 2h  Vòi II chảy một mình đầy bể trong 4h | | | |
|  |  | **Cách 2**: Thiết lập ẩn thông qua giá trị trung gian. | | | |
|  |  | Giải sử mỗi giờ vòi II chảy được y phần bể (y>0; bể/ giờ) | | | |
|  |  | . Hai vòi nước cùng chảy vào một bể không có nước thì sau 1h20' đầy bể, ta được pt:  (3) | | | |
|  |  | . Nếu mở vòi thứ nhất chảy trong 10' và vòi thứ hai chảy trong 12' thì đầy  bể, ta được pt: | | | |
|  | Hs trình bày vào vở  Hs kiểm tra phần trình bày trong vở của bạn bên cạnh. | Từ (3), (4) ta có hệ pt:  (TMĐK) | | | |
| Gv chốt kiến thức toàn bài |  | Vậy vòi I chảy một mình trong 2h thì đầy bể. Vòi II chảy một mình trong 4h thì đầy bể. Đáp số: 2h, 4 h | | | |
|  |  | **Câu 5**: Giải pt sau (Nếu còn thời gian) | | | |
|  |  | a. 17x - 14 ⏐=21 | | | |
|  |  | b. ⏐2x+6⏐= 3x +1 | | | |
|  |  | c. x2- 5⏐x⏐+ 6 = 0 | | | |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (1ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | | |
| + Các phương pháp giải hệ pt bậc nhất 2 ẩn số.  + Các bước giải bài tập bằng cách lập hệ phương trình.  + Các dạng toán đố… |  | - Xem lại bài tập chữa  - Làm bài 56, 57, 59, 62 SGK tr63+64  - Xem lại cách giải phương trình bậc hai  - Giờ sau tiếp tục ôn tập | | | |

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 69: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Giải thông thạo phương trình bậc hai ở các dạng ax2 + bx = 0; ax2+c=0; a2x + bx + c = 0 (a≠0); vận dụng tốt công thức nghiệm trong cả hai trường hợp dùng Δ và Δ'.

-Nhớ kỹ hệ thức viét, vận dụng tốt để tính nhẩm nghiệm phương trình bậc hai- tìm hai số biết tổng và tích của chúng.

**2. Kĩ năng:**

- Thành thạo trong việc giải bài toán bằng cách lập phương trình đối với những bài toán đơn giản.

**3. Thái độ:**

- Chú ý lắng nghe, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, PHT, thước thẳng

- Hs: Đồ dùng học tập, làm đề cương ôn tập.

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | **Kiến thức cần đạt** | |
| ***Hoạt động 1: Ôn luyện bài toán về nghiệm của phương trình bậc hai (16 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức làm bài tập  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | |
| GV nêu câu hỏi- | HS có thể sinh hoạt nhóm- trả lời. | **Bài 1**: Không giải pt- xác định số nghiệm của mỗi pt, rồi viết số thứ tự chỉ mỗi pt ở cột A vào vị trí tương ứng phù hợp ở cột B | |
|  | Cột A- Phương trình | Cột B số nghiệm của PT | | |
| Đáp án: | 1. | a. pt có 2 nghiệm | | |
| a. pt có 2 nghiệm là 1); 3) | 2. | b. pt có nghiệm kép | | |
| b. pt có nghiệm kép là 4); 5) | 3. | c. pt vô nghiệm | | |
| c. pt vô nghiệm 2) | 4. |  | | |
|  | 5. |  | | |
| GV  vấn đáp HS đứng tại chỗ  Hoặc từng HS lên điền vào ô trống |  | **Bài 2**: Không giải pt, dùng hệ thức viét- Hãy tính tổng và tích các nghiệm của mỗi pt | |
| Phương trình | Tổng hai nghiệm | Tích hai nghiệm |
| a. | x1+x2= | x1.x2= |
| b. | x1+x2= 6 | x1.x2= 8 |
| c. | x1+x2= -3 | x1.x2=-4 |
| ***Hoạt động 2: Ôn luyện bài toán về điều kiện nghiệm của phương trình bậc hai (16 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức để biến đổi điều kiện nghiệm về biểu thức có thể sử dụng hệ thức Viet  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | |
| GV có thể giao BT này từ cuối tiết trước cho HS về làm, rồi tiết này chữa. Gọi 1 HS lên câu a), 1 HS câu b).  ? ĐK để pt có 2 nghiệm  (Hs: Δ > 0 hay Δ'>0 Gv chốt kiến thức thông qua những lỗi sai Hs hay mắc phải | HS trình bày bài tập dự án | **Bài 3**: Cho phương trình:    a. Chứng tỏ rằng pt (1) luôn có 2 nghiệm  b. Tìm k để hai nghiệm x1; x2 của pt (1) thoả mãn hệ thức  Giải  a. Ta có    Với ∀k nên pt (1) luôn có 2 nghiệm phân biệt |
| ***Hoạt động 3: Ôn luyện bài toán giải bài toán bằng cách lập phương trình (16 phút)***  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập  ***Kĩ thuật sử dụng:*** hoàn thành nhiệm vụ, động não | | |
| .  ? Hỏi theo kế hoạch, mỗi giờ người đó phải làm bao nhiêu sản phẩm?  ? Xác định dạng toán, lập phương trình, giải phương trình, đối chiếu điều kiện và trả lời.  Gv gọi Hs lên bảng chữa bài  Gọi Hs nhận xét  Gv chốt kiến thức toàn bài | HS đọc to yêu cầu bài toán và phân tích đề  HS trả lời  Hs lập bảng phân tích các đại lượng  HS lên bảng trình bày  Hs dưới lớp làm vào vở | **Bài 4**: Theo kế hoạch, 1 công nhân phải hoàn thành 60 sản phẩm trong thời gian nhất định. Nhưng do cải tiến kỹ thuật nên mỗi giờ người công nhân đó đãlàm thêm được 2 sản phẩm. Vì thế, chẳng những đã hoàn thành kế hoạch sớm hơn  dự định 30 phút mà còn vượt mức 3 sản phẩm.  Giải  Gọi số sản phẩm phải làm mỗi giờ theo kế hoạch là x(sản phẩm).  ĐK: x > 0  -Thời gian làm theo kế hoạch: (h)  -Thời gian khi thực hiện: (h)  Ta có pt:  –  =  ⇒ x1 = 12(TMĐK)  x2 = –20(loại)  Vậy theo kế hoạch, mỗi giờ người đó phải làm 12 sản phẩm. |
|
| **Hoạt động 4*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút |  | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**  - Xem lại bài tập chữa  - Làm bài 64,65,66 SGK tr63+64  - Xem lại cách giải phương trình bậc hai  **Bài mới**  - Chuẩn bị ôn tập tiếp | | | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 70 *:* ÔN TẬP CUỐI NĂM**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết phối hợp các kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các dạng toán : Rút gọn biểu thức, tìm giá trị của biến để biểu thức t/m ĐK cho trước.

- Giải bài toán bằng cách lập phương trình

- Giải được phương trình bậc hai, tìm điều kiện của tham số để phương trình có nghiệm thỏa mãn điều kiện cho trước

- Làm tốt các bài tập trong PHT

**2. Kĩ năng:**

-Tích cực, chủ động và có tinh thần làm việc tập thể.

- Giải bài tập cẩn thận, chính xác

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**

1. ***GV*** : Phấn màu, thước thẳng, PHT.
2. ***HS*** : Đồ dùng học tập, học bài.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của Hs** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Khởi động*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Tạo không khí thoải mái cho HS thông qua trò chơi | | | | |
| Gv phát PHT cho Hs và yêu cầu Hs làm bài 1 (a,b)  Gv chia lớp thành 2 đội, tổ chức cho Hs chơi tò chơi “Tiếp sức”  Luật chơi: Mỗi thành viên của đội chỉ được làm một bước của bài và nhanh chóng về truyền phấn cho thành viên khác lên làm tiếp. Thành viên lên sau có thể sửa bài cho thành viên lên trước đó. Đội nào nhanh và chính xác sẽ thành đội thắng cuộc  Gv nhận xét bài làm 2 đội  *? Nêu kiến thức đã sử dụng trong bài*  GV chốt kiến thức | | Dãy 1 – 3 tạo thành 1 đội  Dãy 2 – 4 tạo thành 1 đội  Hs chơi trò chơi dưới sự HD của Gv  Hs cùng Gv nhận xét bài của mỗi đội  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và chữa bài đúng vào vở | **Dạng 1: *Biến đổi biểu thức chứa CBH***  **Bài 1**: ĐK: x > 0  P =  a) Rút gọn P =  b) Để P >  ⬄  >  ⬄  ⬄ 2 – 3x > 0 (Vì x>0)  ⬄ x <  Kết hợp với ĐK ta có P >  khi và chỉ khi 0 < x < | |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (32 phút)  ***Mục tiêu:*** Hệ thống các kiến thức đã học, vận dụng linh hoạt làm bài tập, lưu ý các dạng toán ôn thi vào 10.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | |
| **Tổ chức cho HS hoạt động cá nhân**  Nêu cách làm câu c  Gv chốt kiến thức  Gv cho Hs HĐ cá nhân làm bài 2 trong 9 phút  (- GV yêu cầu hs đọc đề bài.  ? Bt này thuộc dạng toán nào?  - Nêu các đại lượng và cách tính các đại lượng của bài toán chuyển động  -Chọn đại lượng nào làm ẩn, lập bảng phân tích?  - Gv hướng dẫn hs lập bảng phân tích  - Yêu cầu hs điền vào bảng phụ các thông tin theo yêu cầu  - Gv yêu cầu hs dựa vào bảng để trình bày lời giải bài toán vào vở  - Gv điều khiển HS NX chấm chéo  - Gv chốt lại cách làm dạng toán này và nhấn mạnh  Vx = Vt + Vd  Vn = Vt - Vd  Gv yêu cầu Hs tự giác làm bài câu a bài 3  Cho HS hoạt động nhóm làm bài 3/b  Gv cùng Hs chữa bài nhóm nhanh nhất  GV chốt kiến thức | | - Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở  Hs đọc bài  - Hs trả lời  - Hs trình bày lời giải  Hs nhận xét, chấm chéo bài  Hs ghi nhớ  - Hs tự giác làm bài  - Hs HĐN  - Hs cùng Gv chữa bài  Hs chú ý lắng nghe và chữa bài vào vở | **Bài 1**  c) Ta có P =  =  P ⬄  => x là ước của 1  => x = -1 ( loại)  x = 1 (t/m)  Vậy với x = 1 thì P  **Dạng 2 : *Giải bài toán bằng cách lập PT***  **Bài 2**  Gọi x (km/h) là vận tốc thực của chiếc thuyền (x > 4).  Vận tốc của chiếc thuyền khi xuôi dòng là x + 4 (km/h).  Vận tốc của chiếc thuyền khi ngược dòng là x – 4 (km/h).  Thời gian chiếc thuyền đi từ A đến B là  (h).  Thời gian chiếc thuyền quay về từ B đến C là (h).  Thời gian chiếc bè đi được  (h)  Theo bài ra, ta có phương trình  += 2  ⇔  ⇔  ⇔  ⇔ x = 0 (Loại) hoặc x = 20 (tm)  Vậy vận tốc thực của chiếc thuyền là 20km/h.  **Dạng 3 : *Phương trình bậc hai***  **Bài 3**  a) Khi  phương trình trở thành      hoặc .    b) Phương trình có hai nghiệm phân biệt  khi    .  Khi đó theo định lí Vi-et ta có:  (1) và  (2).  Ta có    (do (1))  (3).  Từ (1) và (3) ta có: . Thay vào (3) ta được:    (tm)  Vậy | |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (2ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật trình bày một phút, viết tích cực | | | | |
| - Nhắc lại điều quan trọng nhất đã học được trong tiết học và câu hỏi muốn được giải đáp liên quan đến nội dung bài | - HS trình bày trong 1 phút | |  | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Ôn tập lại hệ thống kiến thức trong đề cương  - Xem lại các bài tập đã chữa  - Tiếp tục hoàn thiện đề cương  **Bài mới**  - Chuẩn bị tiết sau ôn tập tiếp | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 71*:* ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết phối hợp các kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các dạng toán : Rút gọn biểu thức, tìm giá trị của biến để biểu thức t/m ĐK cho trước.

- Giải bài toán bằng cách lập phương trình

- Giải được phương trình bậc hai, tìm điều kiện để phương trình có nghiệm, tìm nghiệm còn lại của Pt khi biết 1 nghiệm của PT đó

- Làm tốt các bài tập 1, 2, 3 trong PHT

**2. Kĩ năng:**

- Giải bài tập cẩn thận, chính xác

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

**II. Chuẩn bị**

1. ***GV*** : Phấn màu, thước thẳng, PHT.
2. ***HS*** : Đồ dùng học tập, học bài.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | | **Hoạt động của Hs** | | **Kiến thức cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: *Khởi động*** (10 phút)  ***Mục tiêu:*** Tạo không khí thoải mái cho giờ học | | | | | | |
| Gv phát PHT cho Hs và yêu cầu Hs làm bài 1 (a,b)  Gv chia lớp thành 2 đội, tổ chức cho Hs chơi tò chơi “Tiếp sức”  Luật chơi: Mỗi thành viên của đội chỉ được làm một bước của bài và nhanh chóng về truyền phấn cho thành viên khác lên làm tiếp. Thành viên lên sau có thể sửa bài cho thành viên lên trước đó. Đội nào nhanh và chính xác sẽ thành đội thắng cuộc  Gv nhận xét bài làm 2 đội  *? Nêu kiến thức đã sử dụng trong bài*  GV chốt kiến thức | | | Dãy 1 – 3 tạo thành 1 đội  Dãy 2 – 4 tạo thành 1 đội  Hs chơi trò chơi dưới sự HD của Gv  Hs cùng Gv nhận xét bài của mỗi đội  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và chữa bài đúng vào vở | | **Dạng 1: *Biến đổi biểu thức chứa CBH***  **Bài 1**: Đk: x > 0, x ≠ 1  b) Ta có    M ⬄  là ước của 1    Từ đó giải được x =1 ( loại)  x = 9 (t/m)  Vậy với x = 9 thì M | |
| **Hoạt động 2: *Luyện tập*** (32 phút)  ***Mục tiêu:*** Vận dụng được linh hoạt kiến thức làm bài tập  ***Kĩ thuật sử dụng:*** Hoàn thành nhiệm vụ, động não | | | | | | |
| **Tổ chức cho HS hoạt động cá nhân**  Nêu cách làm câu c  Gv nhấn mạnh HS: Không được khử mẫu của bất đẳng đẳng thức  Gv cho Hs HĐ cá nhân làm bài 2 trong 9 phút  (- GV yêu cầu hs đọc đề bài.  ? Bt này thuộc dạng toán nào?  - Nêu các đại lượng và cách tính các đại lượng của bài toán chuyển động  - Chọn đại lượng nào làm ẩn, lập bảng phân tích?  - Gv hướng dẫn hs lập bảng phân tích  - Yêu cầu hs điền vào bảng phụ các thông tin theo yêu cầu  - Gv yêu cầu hs dựa vào bảng để trình bày lời giải bài toán vào vở  - Gv điều khiển HS NX chấm chéo  - Gv chốt lại cách làm dạng toán này  Gv yêu cầu Hs tự giác làm bài câu a bài 3  Cho HS hoạt động nhóm làm bài 3/b  Gv cùng Hs chữa bài nhóm nhanh nhất    GV chốt kiến thức: Với dạng toán **Tìm điều kiện của tham số khi biết một nghiệm của phương trình đã cho x = x1 cho trước .Tìm nghiệm thứ 2 ta làm như sau**  *Bước 1: Thay x = x1 vào phương trình đã cho ,tìm được giá trị của tham số*  *Bước 2: Vận dụng hệ thức Vi-ét để tìm nghiệm còn lại*  Gv chốt kiến thức toàn bài | | | - Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở  Hs đọc bài  - Hs trả lời  - Hs trình bày lời giải  Hs nhận xét, chấm chéo bài  Hs ghi nhớ  - Hs tự giác làm bài  - Hs HĐN  - Hs cùng Gv chữa bài  Hs chú ý lắng nghe và chữa bài vào vở | | **Bài 1**:  c) Với x > 0, x ≠ 1    hoặc  Giải ra ta được x<1 hoặc x>4  Kết hợp ĐK ta được M < 0 khi x>4  **Dạng 2 : *Giải bài toán bằng cách lập PT***  **Bài 2**  Gọi vận tốc của người khi đi từ A đến B là x (km/h) ( x > 0 )  => Vận tốc lúc về là (x + 5) (km/h).  Thời gian lúc đi là:  (h)  Thời gian lúc về là  (h)  Theo bài ra, ta có phương trình      Ta có: Δ = 52 - 4.1.(-300)  = 25 + 1200 = 1225 > 0    x1 =15 (tm); x2 = - 20(lo¹i)  Vậy vận tốc của người đó khi đi từ A đến B là 15km/h  **Dạng 3 : *Phương trình bậc hai***  **Bài 3**  a) Phương trình:  (1)  Vì Δ nên PT (1) có 2 nghiệm phân biệt với mọi giá trị của m  b) PT (1) có x1 = – 4 là nghiệm nên    Tìm được  Vì    Vì    Với m = 2  Với m =-10  Vậy… | |
| **Hoạt động 3*:* Tổng kết và hướng dẫn học tập (3ph)**  ***Mục tiêu:*** - HS phát biểu được kiến thức quan trọng của bài học  - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu kiến thức sẽ học trong buổi sau. | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**  - Ôn tập lại hệ thống kiến thức trong đề cương  - Xem lại các bài tập đã chữa  - Tiếp tục hoàn thiện đề cương  **Bài mới**  - Chuẩn bị kiểm tra học kì 2 | |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 72 *:* KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**(THEO LỊCH CỦA PHÒNG GIÁO DỤC)**

*Ngày soạn: ……………*

*Ngày dạy: …………….*

**Tiết 73 *:* TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**I/ MỤC TIÊU:**

***Qua bài này HS cần***:

**1. Kiến thức:**

- Tự sửa bài kiểm tra học kì II

**2. Kĩ năng:**

- Có khả năng tự đánh giá, sửa sai bài làm của mình

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Giáo dục tính cẩn thận và tầm quan trọng của bài thi học kì II

- Rút kinh nghiệm cho đợt thi vào THPT, đề ra các biện pháp khắc phục và có ph­ương pháp học tập tốt hơn.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tính toán, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, tự học.

# II/ CHUẨN BỊ :

Gv: Đáp án biểu điểm đề thi do trường ra, bài thi của HS

HS : Xem lại quá trình làm bài

**III/HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1.Ổn định** (1 phút)

**2. Chữa – trả bài** (40 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phư­ơng pháp** | **Kiến thức cần đạt** |
| Gv: NX, đánh giá chất l­ượng bài kiểm tra  + Tuyên d­ương Hs đạt điểm cao  + Tuyên d­ương Hs có cách làm hay  Gv: NX những yếu kém còn tồn tại  + Những sai lầm Hs dễ mắc phải trong khi làm bài.  + HS bị điểm kém  Gv: kết hợp với Hs chữa bài kiểm tra phần đại số | **I. Nhận xét đánh giá chất l­ượng bài kiểm tra**  ***1. Ưu điểm.***  - Đa số Hs nắm vững kiến thức về biến đổi biểu thức chứa căn bậc hai, giải bài toán bằng cách lập PT, giải hệ PT và áp dụng hệ thức Vi – ét vào bài toán tìm điều kiện của biến thỏa mãn yêu cầu đề bài  - Đa số Hs có điểm trên TB  ***2. Tồn tại***  - Sai lầm trong quá trình giải hpt, biện luận (giải bài toán bằng cách lập PT)  - Trong quá trình lập luận còn có lỗi trình bày  - 1 vài HS còn bị điểm yếu - kém  **II. Chữa bài**  Đáp án trường ra |
|  | **3. Nhắc nhở - rút kinh nghiệm**(4 phút)  - Chuẩn bị tốt kiến thức và làm đề cương ôn thi vào lớp 10  - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu tao điều kiện cho việc ôn thi đạt hiệu quả |

***Phần bổ sung và chỉnh sửa cho từng lớp:***